

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2020**

Số điện thoại: (+84) 225.626.3333

Số fax: (+84) 225.353.3679

Website: quangbinhjsc.com.vn

Địa chỉ: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.

MỤC LỤC

- PHẦN MỞ ĐẦU**
1. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN TRONG NĂM 2020
 3. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ KINH DOANH

A. TỔNG QUAN VỀ QBS

1. THÔNG TIN CHUNG
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
5. VỊ THẾ
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 5 NĂM
7. RỦI RO

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
3. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
4. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN
5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

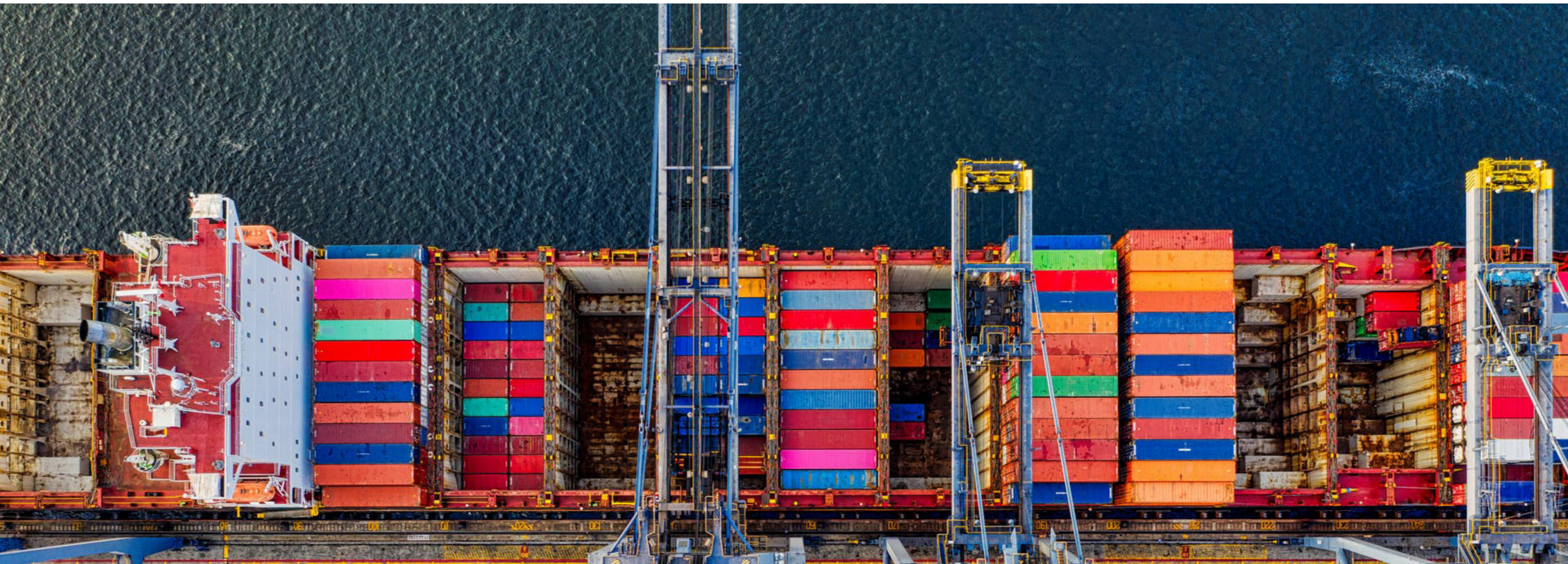
1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
2. ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC
4. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. BAN KIỂM SOÁT
3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO
4. QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. MỤC TIÊU CHUNG
2. MỤC TIÊU SẢN PHẨM
3. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
4. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG
5. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
6. HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC



PHẦN MỞ ĐẦU

1. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN TRONG NĂM 2020

3. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ KINH DOANH

1. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thân gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (QBS). Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời cảm ơn và lời chúc tốt đẹp nhất tới quý vị - những người đã dành thời gian và tâm huyết, đồng hành cùng Công ty trong suốt khoảng thời gian vừa qua.

Theo Tổng cục thống kê, kinh tế - xã hội nước ta năm 2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu suy giảm do chịu sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid – 19. Nhưng nhờ những biện pháp của chính phủ, sự đồng lòng của người dân, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng 2,91%, thuộc nhóm các nước có mức tăng cao nhất thế giới.

Sản xuất nông, lâm, nghiệp và thủy sản năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt; dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu và tiêu thụ nông sản. Tổng giá trị ngành nông nghiệp tăng 2,55%, chỉ thấp hơn mức tăng của các năm 2011, năm 2012 và năm 2018 trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

Công ty trong năm 2020 đã đạt doanh thu hơn 1200 tỷ đồng, lợi nhuận được cải thiện so với năm 2019. Mặc dù vậy, điều kiện kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn. Ảnh hưởng của dịch bệnh khiến hoạt động xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng, một số chính sách về hoạt động xuất khẩu khiến cho việc kinh doanh kho bãi, cảng vụ chưa thu được kết quả như kế hoạch. Năm 2021, Công ty tiếp tục tập trung nghiên cứu, thực hiện nhiều biện pháp mới để cải thiện kết quả kinh doanh.

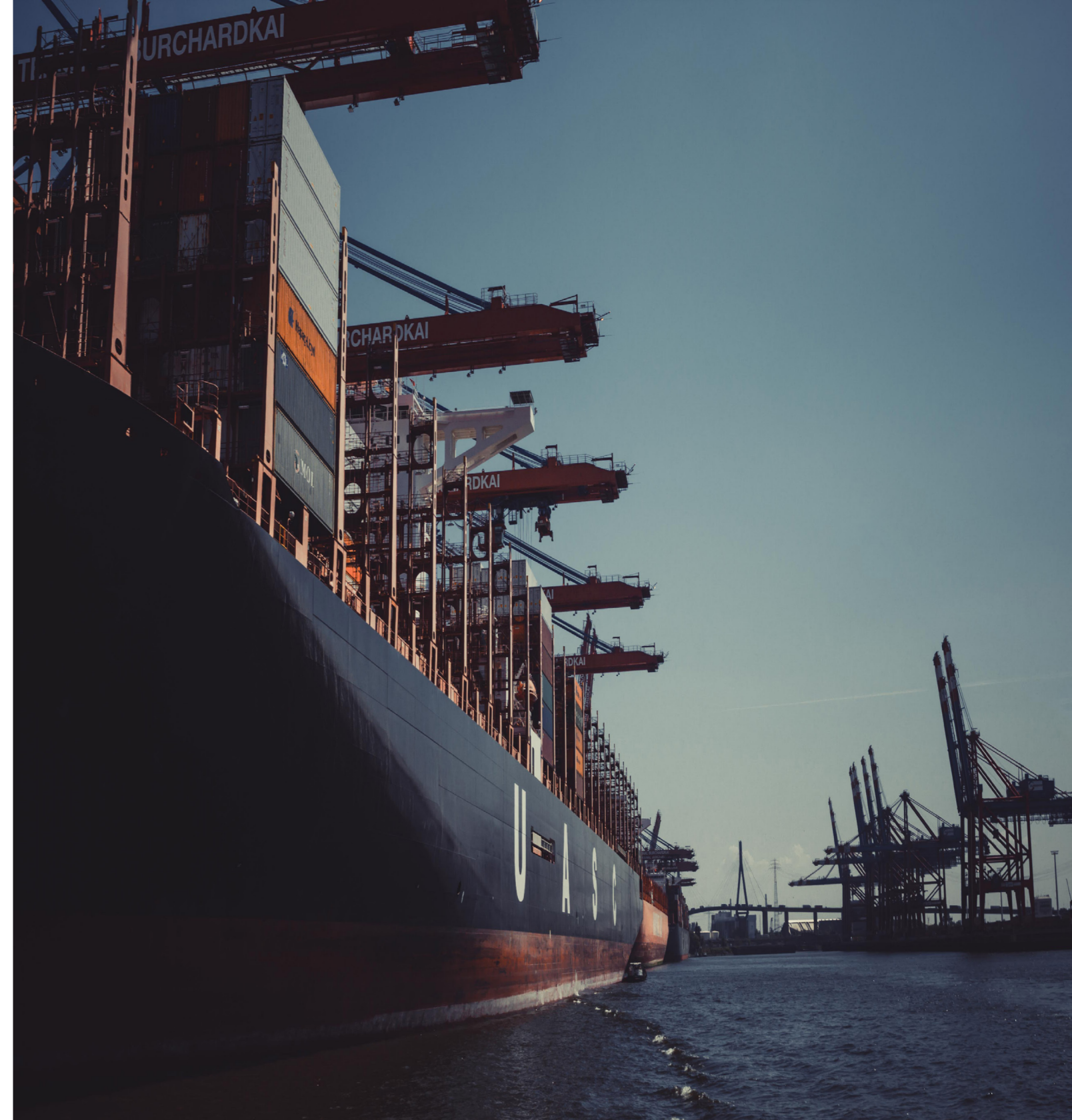
Ban lãnh đạo Công ty xin gửi lời cảm ơn tới tất cả các quý vị - những người luôn sát bên đồng hành cùng công ty trong thời gian qua. Cùng nhau, quyết tâm, chúng ta sẽ vượt qua được những khó khăn trước mắt và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Xin chân thành cảm ơn!

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG



2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN TRONG NĂM 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu	Tỷ đồng	2.186,51	1.431,07	1.203,83
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.186,51	1.431,07	1.203,83
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2.110,56	1.413,79	1.223,39
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	75,95	17,28	-19,56
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	48,39	26,63	5,74
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	72,28	-166,07	-101,26
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0,51	-2,67	2,31
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	72,80	-168,73	-98,95
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	59,33	-174,27	-97,95
Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.950,56	1.547,90	1.222,68
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	693,29928	693,29928	693,29928
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	888,12	717,38	618,23
Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.062,44	830,52	604,45
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	6,99%	-21,71%	-14,67%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	2,98%	-9,96%	-7,07%



3. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ KINH DOANH

Tầm nhìn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hướng tới trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam

Sứ mệnh

“Quảng Bình cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp bền vững ở Việt Nam”.

Giá trị cốt lõi

- **Chất lượng tốt nhất:** Chúng tôi luôn nỗ lực tối đa để mang đến sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất trong thời gian đúng hạn.
- **Chính trực:** Luôn phấn đấu để có được niềm tin của mọi đối tác và khách hàng, tạo niềm tin đối với cộng đồng;
- **Chuyên nghiệp:** Chuẩn hóa trong mọi hoạt động nhằm phục vụ khách hàng một cách hiệu quả nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- **Đổi mới:** Luôn đổi mới, sáng tạo trong công việc và công nghệ để đem lại sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng;
- **Chăm sóc:** Chúng tôi luôn chăm sóc khách hàng một cách tận tâm, chu đáo để khách hàng luôn hài lòng về sản phẩm và dịch vụ chúng tôi cung cấp.

Triết lý kinh doanh

“Giá trị bền vững cho nhà nông” là triết lý kinh doanh của Quảng Bình. Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam mặc dù được coi là tiềm năng nhưng lại chưa phát huy được tiềm năng này, nguyên nhân phần lớn do nông dân chưa có trong tay vật tư nông nghiệp tốt nhất với giá thành hợp lý. Quảng Bình nỗ lực giải quyết vấn đề này thông qua việc tập trung phát triển và tìm kiếm sản phẩm vật tư nông nghiệp chất lượng cao, xanh, sạch, và kết nối đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp, qua đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm và hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam. Với triết lý kinh doanh như vậy, Quảng Bình cũng thể hiện được “Trách nhiệm xã hội” của mình thông qua việc nỗ lực để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống và tiến tới làm giàu cho nông dân Việt Nam.




TỔNG QUAN VỀ QBS

1. THÔNG TIN CHUNG
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
5. VỊ THẾ
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 5 NĂM
7. RỦI RO



1. THÔNG TIN CHUNG

Tổng quát về Công ty

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
Tên tiếng Anh Tên viết tắt	Quang Binh Import & Export Joint Stock Company Quang Binh JSC
Trụ sở chính	Số 23 lô 01 – Khu 97 Bạch Đằng – P. Hạ Lý – Q. Hồng Bàng – TP. Hải Phòng
Vốn điều lệ	693.299.280.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba tỷ hai trăm chín mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)
Điện thoại	(84.225) 626 3333
Fax	(84.225) 353 3679
Email	Info@quangbinhjsc.com.vn
Website	http://www.quangbinhjsc.com.vn
Logo	
Ngành nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất kinh doanh phân bón – hóa chất và hàng nông sản, thực phẩm đông lạnh nhập khẩu. - Cung cấp các dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan, điểm thông quan hàng hóa. - Kinh doanh các dịch vụ Logistics trong cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ.
Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; đăng kí lần đầu ngày 12/03/2017; đăng kí thay đổi lần thứ 29 ngày 27/04/2020.
Mã chứng khoán	QBS
Nơi niêm yết	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Khối lượng đang NY	69.329.928 cổ phiếu
Giá chào sàn	19.200 đồng/cổ phiếu
Ngày niêm yết đầu tiên	13/11/2014
Tổng giá trị NY	693.299.280.000 đồng
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Tổ chức kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland)



Quá trình hình thành và phát triển

2007

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (CTCP XNK Quảng Bình) được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ đồng, trên cơ sở tách ra từ Công ty Cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản.

Thông qua 2 đợt phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, Công ty đã nâng vốn điều lệ lên 9,9 tỷ đồng.

2010

Tăng vốn điều lệ từ 9,9 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng.

2010

Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng. Mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu. Đồng thời, mở thêm 01 văn phòng đại diện tại Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng.

2011

2013

Đưa Nhà máy sản xuất phân bón NPK và phân lân vào hoạt động với thương hiệu NPK Đình Vũ và lân Đình Vũ tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng.

2014

Vốn điều lệ được tăng lên 320 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 13/11/2014, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán: QBS.

Khánh thành Nhà máy Barite tại Xavannakhet - Lào do Công ty góp vốn đầu tư. Đến tháng 08/2015, lô hàng thành phẩm đầu tiên được xuất sang thị trường Mỹ. Tháng 12/2015 QBS nâng vốn điều lệ lên gần 640 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng.

2015

2016

Đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ

2017

Thành lập liên doanh chiến lược toàn diện trong lĩnh vực logistic với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và ký kết Hợp đồng Liên doanh xây dựng, vận hành khai thác kho lạnh tại Khu Công nghiệp Sóng Thần, tỉnh Bình Dương. Ký kết hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam thành lập Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD. Trong đó, Quảng Bình tham gia góp 40% vốn thành lập Công ty.

Thành tích nổi bật



Thời gian	Thành tích
2009	Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009 Lãnh đạo Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009
2010	Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND Thành phố Hải Phòng
2011	Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2011 của UBND Thành phố Hải Phòng Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng Chứng nhận Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp Xây dựng doanh nghiệp và phong trào ủng hộ xã hội năm 2011 Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp Thủy Nguyên và phong trào ủng hộ năm 2011 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp
2012	Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 của UBND Thành phố Hải Phòng Giấy khen về việc đạt thành tích trong công tác thu và nộp thuế trước hạn năm 2012 do Cục Hải quan Hải Phòng cấp Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 của Tổng cục Thuế Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp ngân sách nhà nước năm 2012 của UBND huyện Thủy Nguyên
2013	Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới năm 2013 Chứng nhận Thương hiệu tin cậy năm 2013 do Viện nghiên cứu kinh tế phát triển cấp Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng năm 2013 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp Chứng nhận Doanh nghiệp của năm 2013
2014	Thành tích Xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP Hải Phòng năm 2014 Chứng nhận Doanh nhân, Doanh nghiệp của năm do Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trao tặng năm 2014 Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng
2015	Danh hiệu "Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông" năm 2015 Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015
2016	Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2016 Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016
2017	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017
2018	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2018
2019	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2019
2020	Giấy khen Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động an sinh xã hội năm 2020

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Cảng cạn, kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Địa bàn kinh doanh

- ◆ **Công ty con:** Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (tỷ lệ sở hữu: 98,6%).
Địa chỉ: Lô CN4.4H + Lô CN4.4G + Lô CN4.4F Khu công nghiệp Đình Vũ (thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải) phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- ◆ **Chi nhánh Quảng Bình:** Khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo, Dân Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình.

Sản phẩm dịch vụ chính

- Với mảng kinh doanh phân bón – hóa chất:



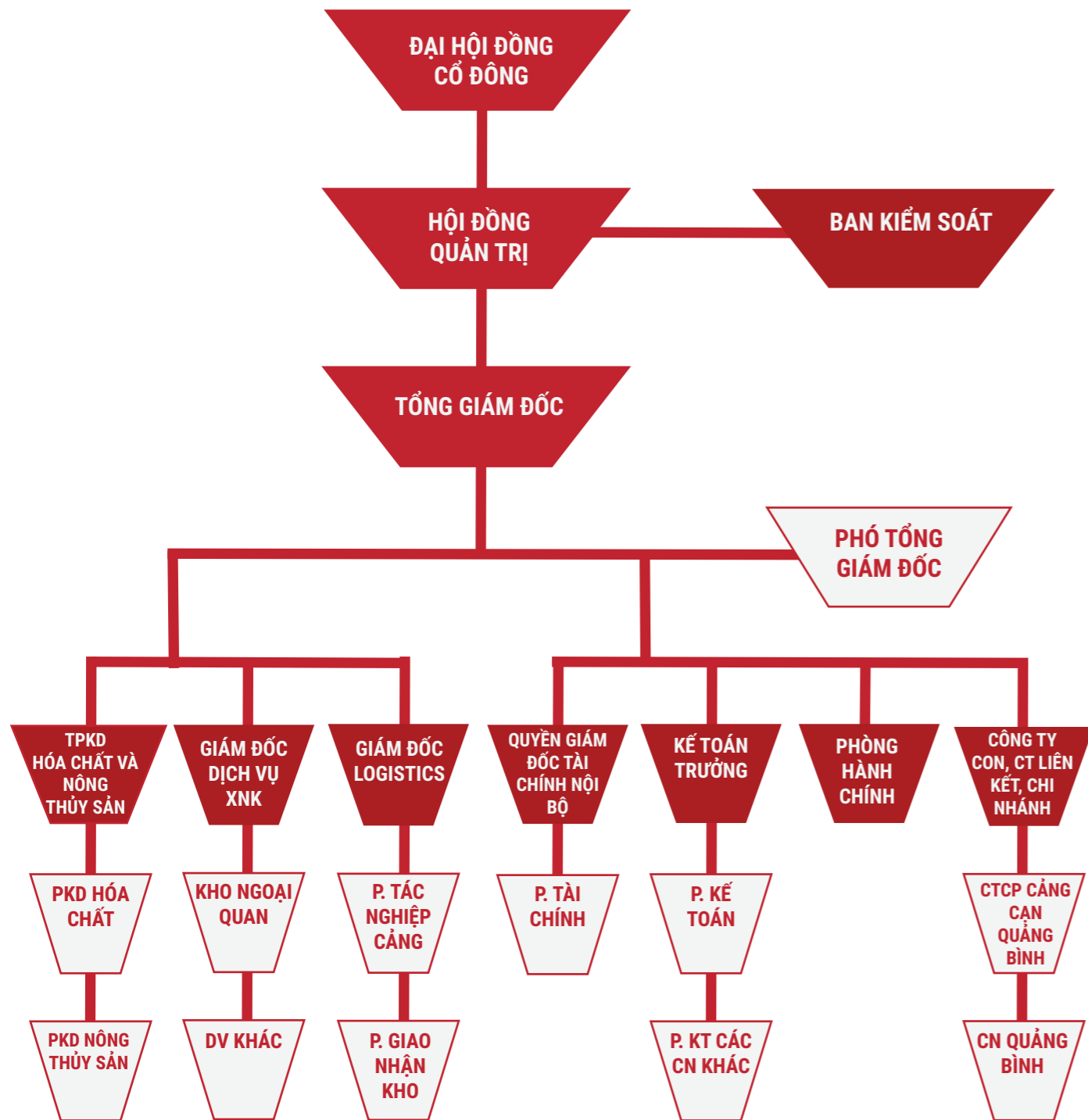
- Với mảng kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan, dịch vụ xuất nhập khẩu:

- ◆ Dịch vụ khai báo hải quan;
- ◆ Cho thuê kho bãi;
- ◆ Hoạt động tạm nhập tái xuất;



3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Sơ đồ tổ chức



Chức năng các bộ phận và phòng ban trong Công ty

Tên bộ phận

Mô tả chức năng

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng đề họp ĐHCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty có Chủ tịch và các ủy viên. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật của công ty.

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc, trong đó Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Một số phòng ban chức năng

- Phòng Giao nhận: Chịu trách nhiệm giao nhận, giám sát Hàng hóa của Công ty.
- Phòng Kinh doanh: Phòng kinh doanh bao gồm:
 - > Phòng Kinh doanh 2: Phụ trách xuất nhập khẩu hóa chất và nông lâm thủy sản.
 - > Phòng Kinh doanh 3: phụ trách hệ thống kho ngoại quan, kho bãi và các dịch vụ khác.
- Phòng Kế toán: thực hiện các chức năng: Quản lý lao động tiền lương; Tổ chức bộ máy kế toán, quản lý vốn và tài sản; Thực hiện các nhiệm vụ kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư;
- Phòng Tài chính: phân tích tình hình tài chính của công ty; xây dựng và triển khai kế hoạch về nguồn vốn liên quan đến đầu tư, chia tách, sáp nhập; tham mưu cho BGD về kế hoạch tài chính hàng năm
- Phòng hành chính: tham mưu cho BGD về việc bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan; môi trường, phòng cháy chữa cháy; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ.
- Chi nhánh Quảng Bình: Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

Công ty con, Công ty liên kết

Tên Công ty	Sản phẩm chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình- Đình Vũ	Dịch vụ cảng và hoạt động hỗ trợ xuất nhập khẩu	98,63%	98,63%

4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 12/02/1977
Số CMND: 031177000067
Nguyên quán: Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng
Nơi sinh: Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng
Cư trú: Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân Kinh tế
- Cử nhân Hành chính
Quá trình công tác:
- Từ năm 1996 đến năm 2006: Nhân viên Kinh doanh - Công ty CP XNK Hào Mỹ.
- Từ tháng 10 năm 2015: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất
- Từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 06 năm 2020: Thành viên HĐQT Công ty CP DAP-Vinachem
- Từ ngày 01 tháng 04 năm 2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình
- Từ 04/2020 – 12/2020:
+ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
+ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất miền Nam
- Từ 05/2018-12/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long.

Bà Hà Thị Mai Hương Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 06/06/1991
Số CMND: 031191008649
Nơi sinh: Hải Phòng
Cư trú: Số 9/10 Nguyễn Hồng Quân, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
- Từ năm 2013 đến 2014: Nhân viên chứng từ tại Công ty TNHH Shipco Transport
- Từ năm 2014 đến 2016: Nhân viên xuất nhập khẩu tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ năm 2016 đến 04/2018: Phó phòng Kinh doanh hóa chất và nông thủy sản tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 03/2018 đến 12/2020: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc tại Công ty CP 5FOODS
- Từ 04/2018 đến 12/2020: Trưởng phòng Kinh doanh 2 tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 04/2020 đến 12/2020: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Quảng Bình

Bà Nguyễn Thị Đông Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 30/05/1978
Số CMND: 121310401
Nơi sinh: TP Bắc Giang
Cư trú: Số 405 – B3 – Chung cư Bắc Sơn – Quán Trữ - TP Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
- Từ 04/2004 – 03/2010: Kế toán viên tại Ga Liên Vận Quốc tế Đồng Đăng
- Từ 04/2010 – 05/2013: Trưởng phòng TCKT tại Công ty TNHH MTV VTHHĐS Hà Nội, Chi nhánh VTHH ĐS Đồng Đăng
- Từ 07/2013 – 05/2016: Chuyên viên tại Ga Hải Phòng
- Từ 08/2016 – 07/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH Giấy Phong Đài – Đài Loan
- Từ 07/2018 – 11/2020: Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn
- Từ 04/2020 – 12/2020: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Quảng Bình

Giới thiệu Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 25/11/1986
Số CMND: 031325496
Nơi sinh: Phúc Am, Gia Khánh, Ninh Bình
Cư trú: Số 4/412 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
Trình độ: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
Quá trình công tác:
- Từ năm 2007 đến năm 2008: Kế toán, Kiểm toán nội bộ tại CTCP Xuất nhập khẩu Hào Mỹ.
- Từ 2008 – 2011: Nhân Viên Kinh Doanh tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 01/2012 – 04/2014: kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương
- Từ 04/2014 – 05/2018: Trưởng BKS CTCP XNK Quảng Bình
- Từ 05/2018 – 12/2020: Trưởng BKS CTCP XNK Quảng Bình

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 22/08/1981
Số CMND: 031198265
Nguyên quán: Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Nơi sinh: Hải Phòng
Cư trú: Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân Ngoại ngữ
Quá trình công tác:
- Từ năm 2003 đến năm 2006: Giáo viên tiếng Anh tại trường THCS Tân Dương
- Từ năm 2006 đến năm 2011: Phiên dịch tiếng Anh tại CTCP CN Tàu thủy An Đông
- Từ năm 2011 đến tháng 04 năm 2014: Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm kế toán xuất nhập khẩu công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ tháng 04/2014 – 06/2018: Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm Thành viên BKS công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 06-2018 – 12/2020: Thành viên BKS CTCP XNK Quảng Bình

Bà Trần Thị Thu Trang Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 10/04/1985
Số CMND: 031246621
Nguyên quán: Cát Hải, Hải Phòng
Nơi sinh: Hải Phòng
Cư trú: Số 2/28 – Hạ Đoạn 1 – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:
- Từ 04/2009 đến 03/2010: Kế toán tại Công ty CP ĐT & XLTM Cửa hàng xăng dầu 231 Tô Hiệu
- Từ 09/2010 đến 06/2015: Kế toán tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 06/2015 đến 12/2015: Phó phòng kế toán tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 01/2016 đến 3/2017: Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 3/2017 – 12/2020: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình

Giới thiệu Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hưng: Tổng giám đốc

Ngày sinh: 08/08/1982
Nơi sinh: Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin

Quá trình công tác:

- Từ 05/2012 đến 12/2020: TVHĐQT Công ty CP XNK Đức Nguyễn
- Từ 06/2014 đến 12/2020: Giám đốc Công ty CP Xây dựng và XNK Tam Đảo
+ Từ 02/2016 đến 06/2017: Trưởng văn phòng đại diện tại Cao Bằng – Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 05/2017 đến 10/2017: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và XNK Tân Cảng SG
+ Từ 06/2017 đến 04/2020: Phó Giám đốc Dịch vụ Xuất nhập khẩu Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 10/2017 đến 12/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Tân Bình Phú
+ Từ 04/2020 đến 12/2020: Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Quảng Bình

Ông Nguyễn Thanh Bình: Phó Tổng giám đốc

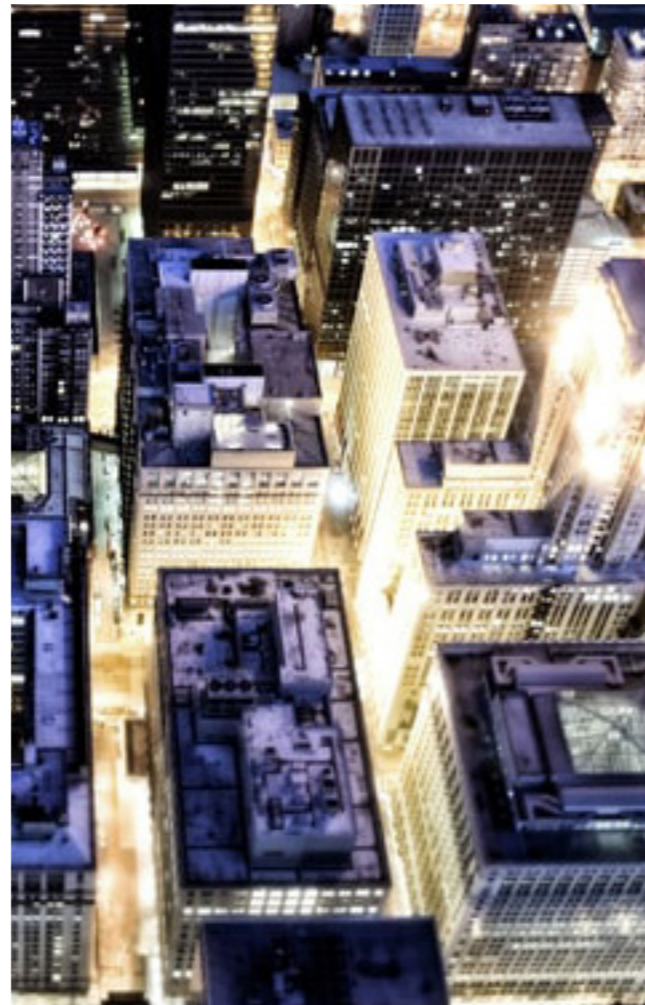
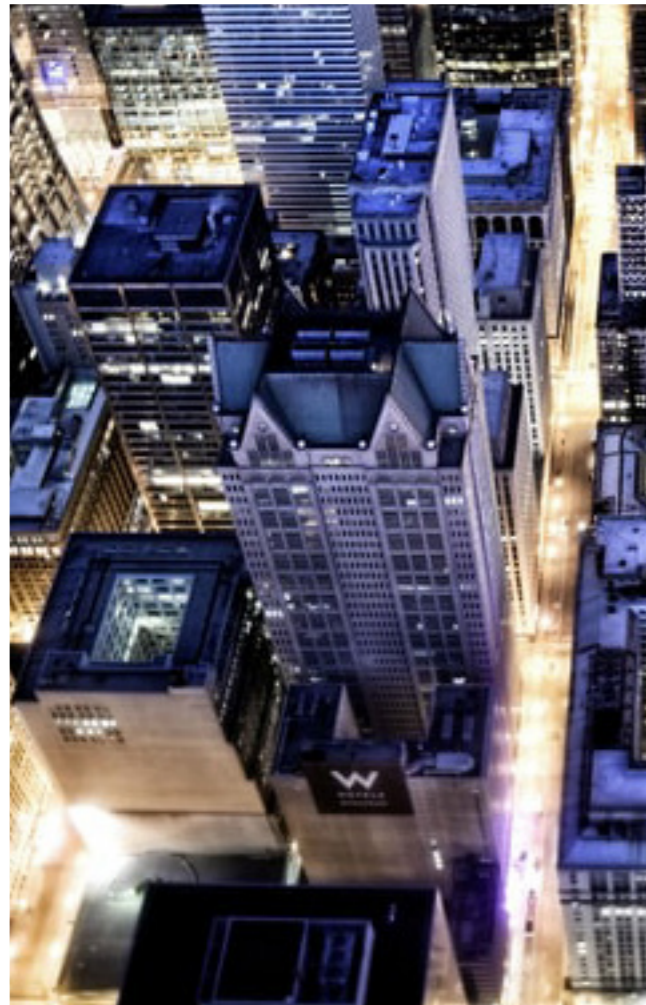
Ngày sinh: 04/11/1973
Nơi sinh: Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 05/2011 đến 05/2013: Nhân viên Kinh doanh Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 05/2013 đến 05/2018: Giám đốc nhà máy NPK Đình Vũ – Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 03/2018 đến 12/2020: Chủ tịch HĐQT Công ty CP 5FOODS
+ Từ 05/2016 đến 12/2020: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 05/2019 đến 12/2020: TVHĐQT Công ty CP XNK Hóa chất miền Nam

5. VỊ THẾ

STT	Lĩnh vực	Thị phần trong ngành	Lợi thế của DN so với các doanh nghiệp khác cùng ngành
1	Lưu huỳnh	3.300 tấn	Mua bán thương mại và phân phối đến nhà máy sản xuất phân bón
2	Axit Sulfuric (H ₂ SO ₄)	5.450 tấn	Nhập khẩu từ đối tác nước ngoài và phân phối trong nước
		14.890 tấn	Mua bán thương mại và phân phối trực tiếp đến nhà máy sản xuất phân bón
3	Kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan: Dự án đầu tư cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ		Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, điểm tập kết hàng hóa lớn; tiếp nhận vận tải
4	Hoạt động thương mại mặt hàng gỗ		Quy mô ở mức nhỏ so với doanh nghiệp cùng lĩnh vực



S

Điểm mạnh

- Với 11 năm xây dựng và phát triển, Quảng Bình là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về kinh doanh, sản xuất phân bón, hóa chất, hàng nông sản và cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu
- Xây dựng được mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước, bao gồm nhiều tập đoàn đa quốc gia: Heartychem (Hàn Quốc), Deawoo International Corporation (Hàn Quốc), Samsung C&T Corporation (Singapore), ...
- Chính sách mua bán linh hoạt cùng uy tín, mối quan hệ tốt với khách hàng là các tập đoàn lớn trên thế giới và các ngân hàng thương mại.

W

Điểm yếu

- Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản hiện vẫn chiếm tỷ trọng thấp trên tổng doanh thu, lợi nhuận của Công ty, do đó quy mô vẫn ở mức nhỏ so với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.
- Yêu cầu đổi mới máy móc, thiết bị liên tục khiến cho chi phí Công ty luôn tăng cao.

O

Cơ hội

- Đối với các lĩnh vực kinh doanh kho ngoại quan và cửa hàng miễn thuế, chính sách quản lý chặt chẽ của Chính phủ trong những năm gần đây đã tạo cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính vững vàng như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
- Dự án đầu tư cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ gắn với nhiều lợi thế về địa lý tự nhiên, sự thuận lợi trong việc kết nối cơ sở hạ tầng và tiềm năng phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực Logistics đem lại doanh thu và lợi nhuận vượt trội chính là cơ hội phát triển quan trọng giúp nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh toàn cầu của Công ty.

T

Thách thức

- Diễn biến thời tiết không thuận lợi, hạn hán, nắng nóng kéo dài; bên cạnh đó lại có thiên tai chủ yếu là mưa lớn, lũ quét, ngập lụt, triều cường và sạt lở đất khiến cho sản xuất nông nghiệp giảm dẫn đến nhu cầu về phân bón – mặt hàng chủ lực của QBS giảm đáng kể.
- Số doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực dịch vụ Logistics ngày càng gia tăng, trong khi, cảng cạn ICD - dự án trọng điểm của Công ty (đã đầu tư hoàn thành giai đoạn II và đang tiếp tục triển khai xây dựng). Do đó, cần phải có chiến lược cụ thể cho từng thời kỳ để gia tăng sức cạnh tranh, phát huy lợi thế của ICD Quảng Bình – Đình Vũ và mang lại hiệu quả kinh tế.
- Do chính sách của Chính phủ thay đổi, ngành tạm nhập tái xuất cũng như dịch vụ kho bãi giảm sút đáng kể, không đem lại doanh thu lợi nhuận nhiều từ mảng kinh doanh này. Vì vậy, công ty cần tiếp tục đẩy mạnh cải tạo nâng cấp, chiến lược khai thác hệ thống kho bãi, khách hàng.

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 5 NĂM

Mảng phân bón

Nội địa:

Đổi mới mặt hàng thương mại nội địa: Duy trì những mối quan hệ khách hàng truyền thống, chào bán những sản phẩm nguyên liệu do công ty chủ động nhập khẩu, cũng như tìm nguồn hàng nội địa phù hợp để chào bán. Tìm hiểu thêm các Nhà máy sản xuất phân bón trong cả nước, xây dựng thêm các mối quan hệ bạn hàng mới, chào bán phát triển mảng thương mại nội địa các mặt hàng phân bón



Mảng hóa chất và hàng hóa khác

Duy trì đà tăng trưởng của những mặt hàng thế mạnh hóa chất như là Lưu huỳnh và axit sulphuric... Đồng thời phát triển thêm vào một số loại sản phẩm hóa chất khác mà nhà cung cấp nước ngoài sẵn có.

Giữ vững thị phần và định hướng phát triển năm sau cao hơn năm trước các mặt hàng thực phẩm



Dịch vụ kho bãi, cảng cạn và các dịch vụ khác

Củng cố chất lượng dịch vụ, xây dựng các chính sách phù hợp để tiếp tục thu hút thêm nhiều khách hàng mới. Thu hút thêm nhân lực có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án kho bãi, cảng cạn.



7. RỦI RO

Rủi ro về Kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách của chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế cũng như chính sách phát triển ngành, ... Những rủi ro này sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

Rủi ro về Lạm phát

Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt được mục tiêu Quốc hội đã đề ra. Các ban ngành điều hành chính sách thực thi kiểm chế lạm phát được triển khai quyết liệt và linh hoạt ứng phó với biến động lạm phát hàng tháng trong năm. Mức lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu điều hành tổng hòa kinh tế vĩ mô là cơ sở cho chính sách tài chính tiền tệ nới lỏng trong năm, đồng thời kỳ vọng tỷ suất chi phí lãi suất vay, lãi suất trái phiếu thấp hơn và tăng khả năng tiếp cận nguồn tài chính cần thiết tài trợ cho hoạt động mở rộng quy mô kinh doanh.

Rủi ro về Tỷ giá và Lãi suất

Rủi ro tỷ giá: sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của công ty. Công ty theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này. Rủi ro lãi suất: bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro hoạt động Sản xuất và kinh doanh phân bón

Dưới góc độ cạnh tranh, hiện nay, thị trường phân bón trong nước được đánh giá là có mức độ cạnh tranh cao với trên 500 doanh nghiệp sản xuất phân vô cơ, hàng ngàn cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ. Bên cạnh đó việc hàng nhái, hàng giả, kém chất lượng đang khiến không ít doanh nghiệp gặp phải khó khăn. Dưới góc độ rủi ro nguyên liệu đầu vào của hoạt động sản xuất phân bón của Công ty, hiện nay Công ty mới chủ yếu sản xuất phân NPK trộn. Một điều thuận lợi cho hoạt động này tại Công ty, đó là các loại nguyên liệu đầu vào này hầu hết chính là các loại mặt hàng phân đạm mà Công ty đang trực tiếp mua bán thương mại hằng ngày, do đó Công ty có thể đảm bảo được hầu hết nguyên liệu đầu vào.

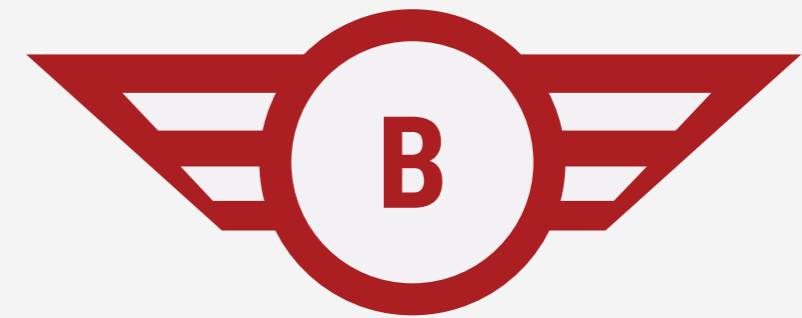
Rủi ro lĩnh vực Thương mại

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Lĩnh vực dịch vụ như kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế chịu rủi ro chủ yếu từ những thay đổi trong cơ chế chính sách quản lý của Chính phủ, nhằm thắt chặt quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nói chung. Những quy định ngày càng chặt chẽ đối với các mảng dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan khiến nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã không đáp ứng đủ điều kiện, tuy nhiên cũng nhờ đó, rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực này đã giảm đáng kể.

Rủi ro về Pháp luật

Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn nhiều hạn chế cũng như thường xuyên thay đổi.
- Để hạn chế những tác động này, Công ty đã xây dựng điều lệ và quy chế quản trị cập nhật với những văn bản pháp luật mới nhất



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU



1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

Thông tin ngành trong năm

Ngành phân bón thế giới năm 2020 ít chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Nhu cầu tiêu thụ phân bón toàn cầu ước đạt 191,4 triệu tấn, +1,5% yoy do hưởng lợi từ các yếu tố thuận lợi ngành nông nghiệp toàn cầu. Khu vực Nam Á là động lực tăng trưởng quan trọng cho nhu cầu tiêu thụ phân bón toàn cầu năm 2020. Trong khi đó, Đông Á và Tây Á là những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, phải đối mặt với tình trạng sụt giảm nhu cầu phân bón.

Ngành phân bón Việt Nam năm 2020 tăng trưởng khả quan bất chấp tình hình dịch bệnh trên toàn cầu. Tính đến tháng 11/2020, sản xuất các loại phân bón trong nước đều tăng so với cùng kỳ năm 2019: phân Urê đạt ~2,19 triệu tấn (+7,3% yoy), phân NPK đạt ~2,64 triệu tấn (+3,5% yoy) và phân DAP đạt 339,4 nghìn tấn (+3,3% yoy). Xuất nhập khẩu phân bón tăng mạnh bất chấp tình hình gián đoạn chuỗi cung ứng và logistics. Trong đó, nhập khẩu phân bón trong 11 tháng đầu 2020 đạt 3,64 triệu tấn, +7,2% yoy. Xuất khẩu phân bón cũng tăng 38% yoy nhờ các bất lợi tại thị trường Trung Quốc. Tuy nhu cầu tiêu thụ phân bón trong nước năm 2020 bị ảnh hưởng bởi diễn biến thời tiết cực đoan nhưng nhìn chung kết quả kinh doanh các doanh nghiệp đầu ngành đều tăng trưởng đáng kể.

Giá phân bón nội địa năm 2020 hồi phục từ mức đáy 03 năm gần nhất. Năm 2020, thị trường phân bón Việt Nam chứng kiến sự biến động mạnh trong giá các loại phân bón, đặc biệt là phân đơn như Urê, DAP, Kali. Hầu hết các loại phân bón đều giảm về mức đáy vào giữa năm và hồi phục trở lại vào những tháng cuối năm 2020.

Kết quả thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	%Kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,000	1,203.83	120.38%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20.00	(98.95)	-494.75%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20.00	(97.95)	-489.76%

Tổng doanh thu từ hoạt động Sản xuất - kinh doanh năm 2020 của Công ty (sau hợp nhất) đạt 1.203,83 tỷ đồng, hoàn thành 120,38%. Dù đã vượt kế hoạch năm 2019 đề ra, nhưng có thể nói năm 2020 là một năm hoạt động kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn. Cụ thể:

- Tác động của thiên tai dịch bệnh: Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng tới việc hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như vẫn hành các cảng vụ, kho bãi. Ngành logistic cả Việt Nam và thế giới bị ảnh hưởng nặng nề. Lũ lụt, xâm nhập mặn ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất mùa màng của nông dân, do đó ảnh hưởng trực tiếp tới ngành phân bón, một trong những sản phẩm chủ lực của công ty.

- Doanh thu bán hàng hóa đạt hơn 1197 tỷ đồng, giảm 221 tỷ đồng so với năm 2019. Doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 6 tỷ đồng, giảm 5,8 tỷ đồng so với năm 2019. Dù vậy, ban lãnh đạo công ty đã có những biện pháp nhằm giảm chi phí, giá vốn hàng bán. Điều này đã dẫn tới Lợi nhuận sau thuế đã cải thiện so với năm 2019.

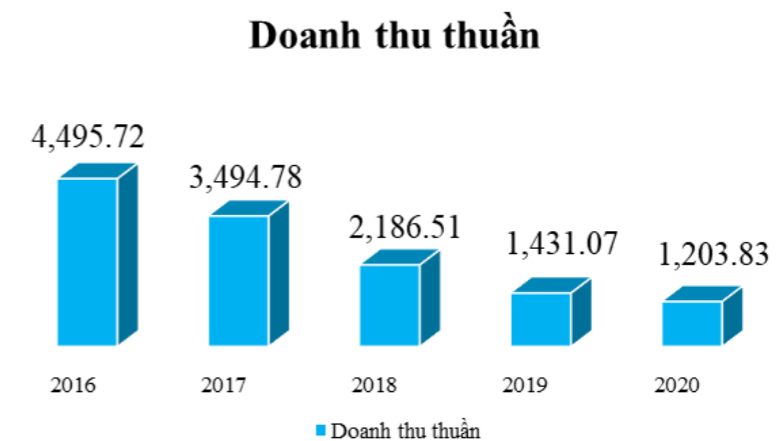
Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4,495.72	3,494.78	2,186.51	1,431.07	1,203.83
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	195.07	177.99	75.95	17.28	-19.56
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	17.89	28.69	72.80	-168.73	-98.95
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13.56	22.54	59.31	-174.27	-97.95

Năm 2020 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình ghi nhận doanh thu thuần 1.203,83 tỷ đạt 120,38% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế âm 97,95 tỷ, tăng 43,79% so năm 2019. Nguyên nhân dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế tăng là cắt giảm chi phí giá vốn hàng bán và các chi phí khác. Trong đó doanh thu bán hàng hóa giảm từ hơn xuống còn 1197,132 tỷ đồng; doanh thu cung cấp dịch vụ tiếp tục giảm mạnh từ xuống 6,7 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán là 1.223,4 tỷ đồng tương ứng giảm 13,47% so với năm 2019. Doanh thu tài chính giảm xuống còn 2,6 tỷ đồng, Chi phí tài chính là 79,3 tỷ đồng, giảm 52,32% so với năm 2019.

Mặc dù thị trường ngành ngày càng cạnh tranh khốc liệt gây ảnh hưởng không nhỏ cho doanh nghiệp cũng như ngành phân bón, bên cạnh đó ảnh hưởng của thời tiết ảnh hưởng đến cung - cầu của thị trường phân bón, giảm nhu cầu nên giảm cung cấp, nhưng nhờ tập trung vào chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư các nhà máy, kho bãi cùng với các chiến lược đẩy mạnh hoạt động bán hàng đã đưa sản phẩm của công ty đến gần hơn với khách hàng, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Biểu đồ biểu diễn kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2015-2020



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi của Ban lãnh đạo trong năm

Bà Nguyễn Thị Đông được bầu làm Thành viên HĐQT từ 20/04/2020.
Bà Hà Thị Mai Hương được bầu làm Thành viên HĐQT từ 20/04/2020.
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn thôi làm thành viên HĐQT từ 08/04/2020.
Ông Nguyễn Hoàng Lâm thôi làm thành viên HĐQT từ 06/04/2020.

Nhân sự và chính sách nhân sự

Nhân sự:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	33	75.0
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	5	11.4
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật		
4	Lao động phổ thông	6	13.6
II	Theo giới tính		0,00%
1	Nam	24	54.5
2	Nữ	20	45.5
III	Theo độ tuổi		
1	Từ 18 đến 25 tuổi	2	4.5
2	Từ 26 đến 35 tuổi	29	65.9
3	Từ 36 đến 45 tuổi	11	25.0
4	Trên 45 tuổi	2	4.5
Tổng cộng		44	100

Chính sách nhân sự:

Xây dựng nguồn nhân lực có thái độ đúng đắn và năng lực phù hợp để vận hành hệ thống quản trị luôn được nâng tầm theo thời gian.

Xây dựng đội ngũ nhân lực xuất sắc với tinh thần tận tâm cống hiến, có ý thức tự đào tạo, có khả năng tác nghiệp cùng các cộng sự để tạo ra giá trị cốt lõi đặc trưng của Quảng Bình.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình đầu tư các dự án

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản mục đầu tư	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần DAP – Vinachem	-	-	233.503.969.597	(97.196.076.847)
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	(255.575.748)	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	34.000.000.000	(19.264.708.887)	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	15.600.000.000	(3.184.458.447)	-	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	-	-	105.881.626.363	-
Tổng cộng	54.160.000.000	(22.704.743.082)	339.385.595.960	(97.196.076.847)

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Năm 2020 - 2025		Năm 2030 - Sau 2030		Kết nối chủ yếu với cảng biển
Diện tích (ha)	Năng lực thông qua hàng hóa (TEU)	Diện tích (ha)	Năng lực thông qua hàng hóa (TEU)	
10-20	71.400- 142.800	20-26	266.000- 353.080	Hải Phòng, Quảng Ninh

Tình hình hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Tên công ty	Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ
Trụ sở chính	Lô CN4.4F + Lô CN4.4G + Lô CN4.4H, khu công nghiệp Đình Vũ (thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải), Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Mã số doanh nghiệp	0201973263
Hoạt động kinh doanh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh
Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	98,63%



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng/Giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.547,90	1.222,68	-21,01%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.431,065	1.203,83	-15,88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		-166,07	-101,26	-39,02%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	9,12	2,57	-71,82
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-2,67	2,31	-186,78%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-168,73	-98,95	-41,36%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-174,27	-97,95	-43,79%

Tổng doanh thu năm 2020 đạt 1.203,83 tỷ đồng, giảm 227,23 tỷ đồng, tương ứng giảm 15,88% so với năm 2019. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 6,551 tỷ đồng so với năm 2019. Chi phí khác giảm 5,819 tỷ đồng so với năm 2019.

Tổng giá vốn hàng bán giảm 190,395 tỷ đồng, tương ứng giảm 13,47% so với năm 2019. Chi phí tài chính giảm 86,990 tỷ đồng, tương ứng giảm 52,32% so với năm 2019 do Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính và lãi vay ngắn hạn. Thu nhập khác giảm 0,839

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 76,321 tỷ đồng ứng tăng 43,79% so với năm 2019.

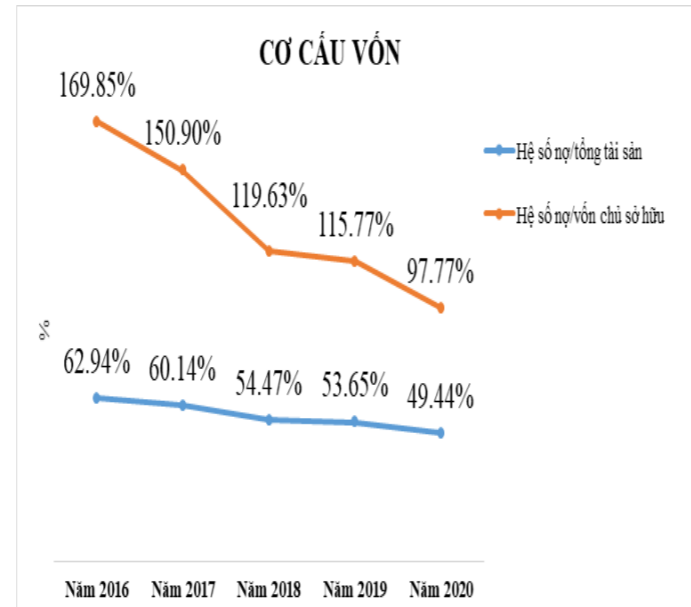
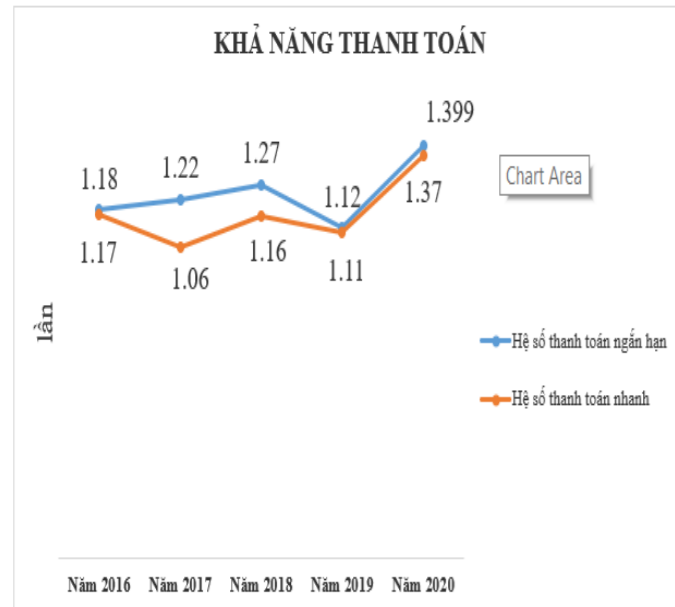


Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng/giảm (%)
1. Hệ số khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.12	1.399	0.279
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.11	1.37	0.26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	53.65%	49.44%	-4.22%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	115.77%	97.77%	-18.00%
3. Hệ số năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	31.05	92.19	61.13
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.92	0.98	0.06
4. Hệ số khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-12.18%	-8.14%	4.04%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	-21.71%	-14.67%	7.04%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	-9.96%	-7.07%	2.89%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	-11.60%	-8.41%	3.19%

Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty trong năm 2020 đã tăng so với năm 2019 và 2018, ở mức 1,399 lần, cho thấy việc kiểm soát hoạt động thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty đã có sự cải thiện. Hệ số thanh toán nhanh tăng lên 1,37. Nguyên nhân chính đến từ việc tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn chậm hơn tốc độ giảm các khoản nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn giảm hơn 199 tỷ đồng, đạt 490 tỷ đồng năm 2020. Tài sản ngắn hạn năm 2020 đạt 687 tỷ đồng, giảm hơn 86 tỷ đồng so với năm 2019. Việc tăng khả năng thanh toán ngắn hạn giúp công ty chủ động hơn trong hoàn cảnh hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh.

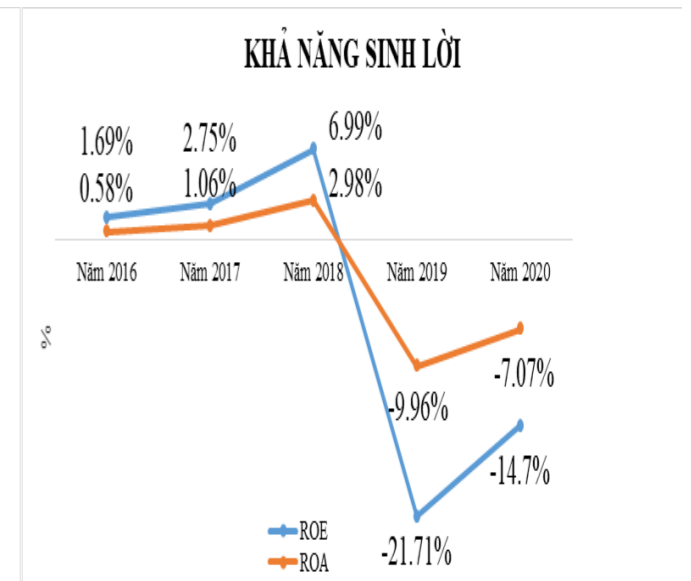
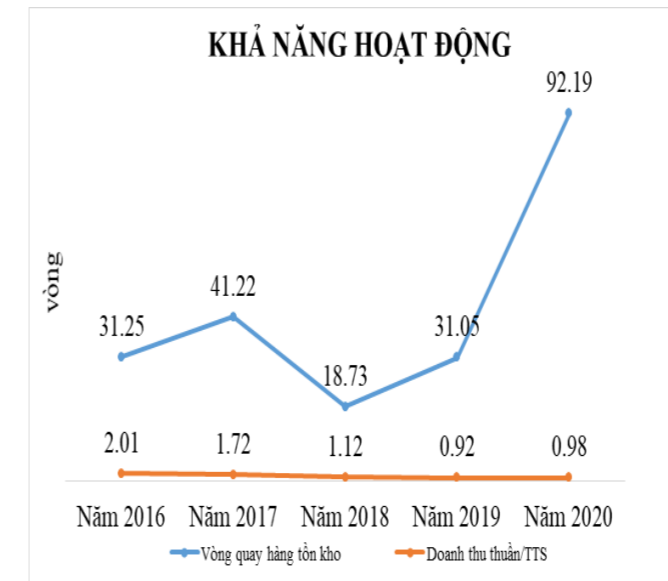


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của công ty vẫn có xu hướng giảm tỷ trọng của các khoản nợ ngắn hạn. Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm trong năm 2020. Hệ số nợ /tổng tài sản năm 2020 là 49,44% giảm 4,22% so với năm 2019. Mức độ vay nợ của doanh nghiệp để tài trợ cho tài sản vẫn đang ở mức an toàn. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2020 là 97,77%, giảm 18% so với năm 2019, Công ty kiểm soát vay nợ hợp lý và ổn định.

Hệ số năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 đạt 92,19 vòng, tăng 61,13 lần so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do hàng tồn kho năm của Công ty tăng mạnh, tăng gần 70% so với năm 2019 trong khi giá vốn hàng bán lại giảm. Doanh thu thuần/Tổng tài sản trong năm 2020 đạt 0,98, giảm 0,06 lần so với năm 2019, do doanh thu thuần giảm với tốc độ nhanh hơn tổng tài sản.



Hệ số khả năng sinh lợi

Hai chỉ tiêu quan trọng là ROE và ROA đều có xu hướng tăng trong năm 2020. ROE là âm 8,14%, tăng 4,04% so với năm 2019. Điều này chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế của công ty có sự cải thiện. ROA âm 14,67%, tăng 7,04% so với năm 2019.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Tình hình cổ phiếu trong năm

Vốn điều lệ	693.299.280.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	69.329.928 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu lưu hành	69.329.928 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng

Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)
6/2010	4.800.000.000
11/2010	9.900.000.000
6/2011	20.000.000.000
1/2012	56.000.000.000
4/2014	320.000.000.000
12/2015	639.999.280.000
2016 đến nay	693.299.280.000

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	-	0
2	Cổ đông lớn (sở hữu $\geq 5\%$ vốn CP)	14,200,579	20.48
	- Trong nước	14,200,579	20.48
	- Nước ngoài	-	0
3	Cổ đông khác	53,106,349	76.60
	TỔNG CỘNG	69,329,928	100

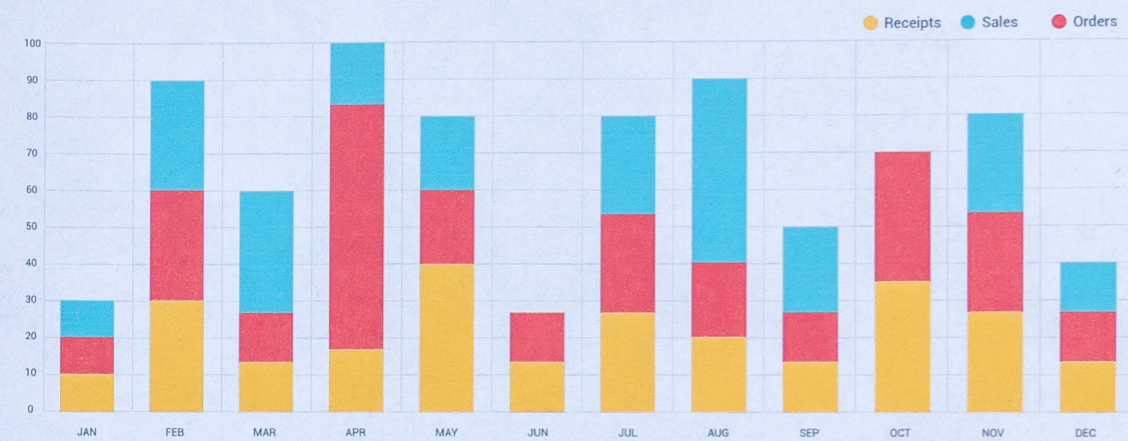
Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	327 Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	9.200.579	13,27%
2	Nguyễn Thanh Bình	Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	5.000.000	7,21%



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Our company



Business items



1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU TỔ CHỨC,
CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

4. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

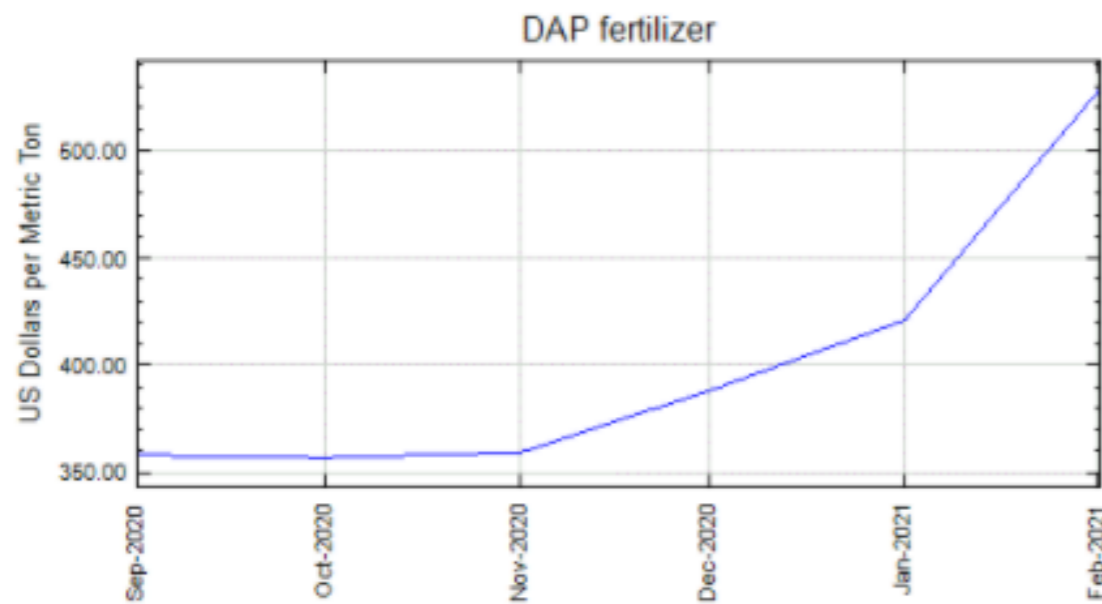
5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN
QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ
MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA
CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tổng quan

Về mảng sản xuất – kinh doanh phân bón:

Năm 2020, Việt Nam đã phải đối mặt với hai làn sóng dịch Covid-19 trên diện rộng. Với các biện pháp phòng chống dịch hiệu quả từ Chính phủ và sự hợp tác của người dân, dịch bệnh nhanh chóng được kiểm soát. Không có nhà máy sản xuất phân bón nội địa nào phải đóng cửa hoặc tạm dừng hoạt động. Cùng với đó, phân bón được Chính phủ xếp vào nhóm hàng hóa thiết yếu, do đó, chuỗi cung ứng phân bón trong nước không bị gián đoạn vì vấn đề dịch bệnh. Cụ thể:

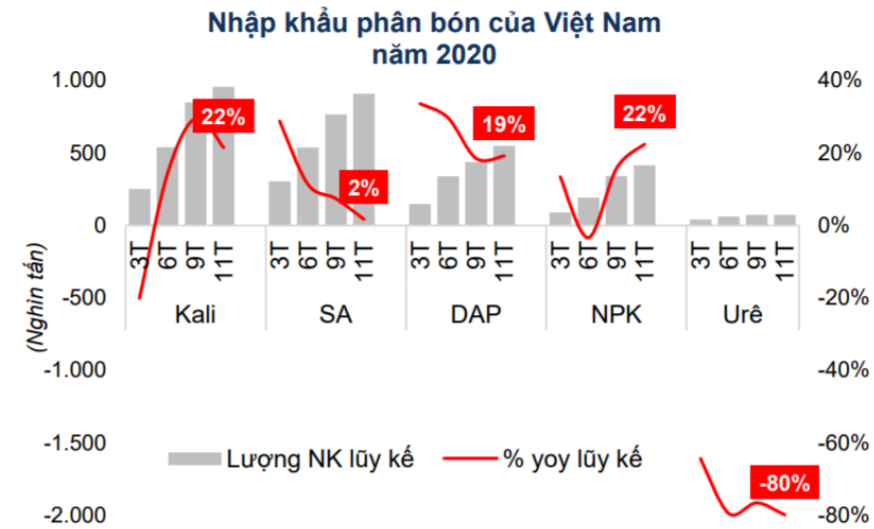


Nguồn: QBS

Tình hình xuất - nhập khẩu phân bón:

Bất chấp tình hình dịch bệnh và gián đoạn nguồn cung trên toàn cầu, lũy kế 11T.2020, lượng nhập khẩu hầu hết các loại phân bón của Việt Nam đều tăng mạnh: phân Kali (+21,5% yoy), phân SA (+1,7% yoy), phân DAP (+19,2% yoy) và phân NPK (+22,4% yoy). Chi riêng nhập khẩu phân Urê sụt giảm mạnh so với cùng kỳ 2019 (-79,9% yoy) do nguồn cung Urê trong

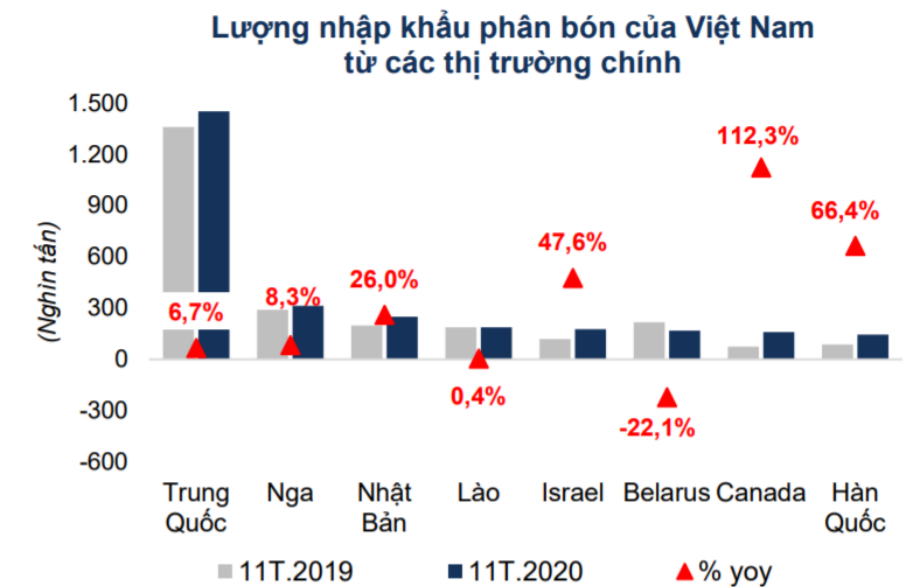
nước dồi dào và giá phân Urê sản xuất nội địa giảm mạnh theo giá dầu FO, giúp tăng sức cạnh tranh so với sản phẩm phân Urê nhập khẩu.



Năm 2020, thị trường phân bón Việt Nam chứng kiến sự biến động mạnh trong giá các loại phân bón, đặc biệt là phân đơn như Urê, DAP, Kali. Hầu hết các loại phân bón đều giảm về mức đáy vào giữa năm và hồi phục trở lại vào những tháng cuối năm 2020.

Tháng 10-11/2020, giá phân DAP nội địa cải thiện dần trong bối cảnh giá nhập khẩu tiếp tục tăng. Tính đến cuối tháng 11/2020, giá phân DAP Đình Vũ (46%) đạt 8.650 VND/kg, cải thiện dần từ mức đáy 03 năm (8.350 VND/kg) trong tháng 08/2020. Trong khi đó, phân DAP Trung Quốc (64%) nhập khẩu vào Việt Nam tăng mạnh trong các tháng gần đây, gây áp lực lên nguồn cung nội địa. Trước đà tăng giá của các

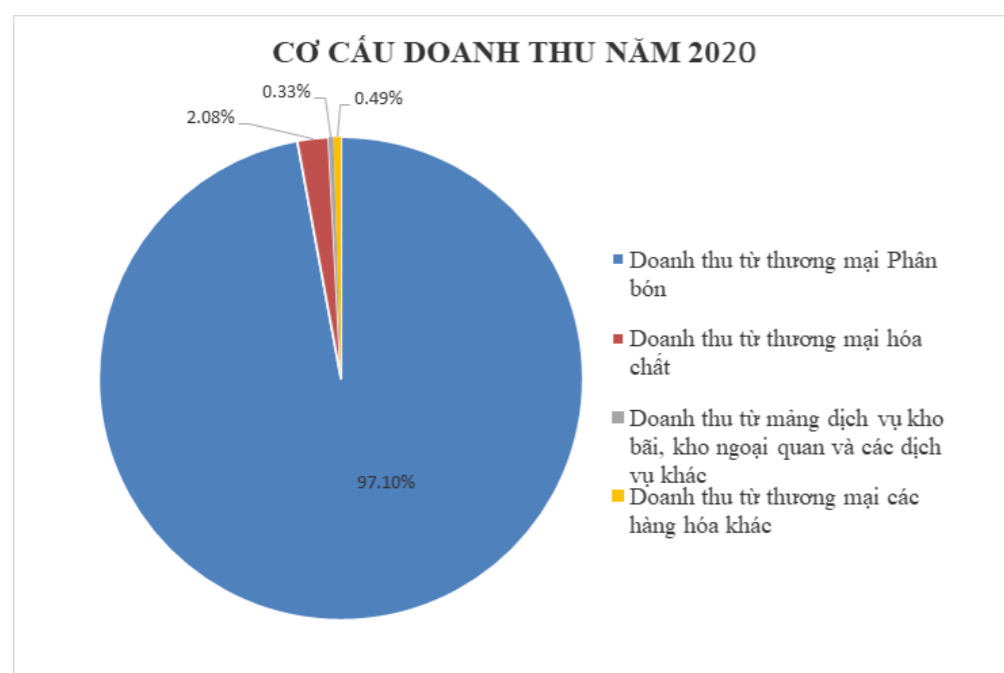
chúng loại phân DAP Trung Quốc, phân DAP nội địa cũng tăng nhẹ nhưng chưa theo kịp tốc độ tăng giá của phân nhập khẩu. Năm 2020, giá phân NPK nội địa khá ổn định trước những biến động của thị trường phân đơn trong nước. Phân phức hợp NPK 16-16-8 tại thị trường Hồ Chí Minh có giá chỉ dao động trong khoảng từ 8.400 - 8.550 VND/kg trong suốt năm 2020. Trong khi các loại phân đơn như Urê, DAP đã trải qua sự sụt giảm mạnh vào giữa năm và hồi phục trở lại vào những tháng cuối năm 2020. Riêng giá phân Kali vẫn giảm mạnh theo giá thế giới do áp lực dư cung và nhu cầu thấp tại nhiều khu vực.



Cơ cấu Doanh thu, Lợi nhuận

CƠ CẤU DOANH THU THEO DÒNG SẢN PHẨM					
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Doanh thu thuần		
			TH 2019	TH 2020	% Tăng trưởng
1	Doanh thu từ thương mại Phân bón	Tỷ đồng	1.328,94	1.168,95	-12.04%
2	Doanh thu từ thương mại hóa chất	Tỷ đồng	17,53	24,98	42.46%
3	Doanh thu từ mảng dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác	Tỷ đồng	12,00	3,98	-66.83%
4	Doanh thu từ thương mại các hàng hóa khác	Tỷ đồng	72,59	5,91	-91.86%
	TỔNG	Tỷ đồng	1.431,07	1.203,83	-15.88%

Doanh thu từ hoạt động thương mại Phân bón vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất lên đến 97,1% với giá trị 1168,95 tỷ đồng. Tiếp đến là doanh thu từ thương mại các hàng hóa khác chiếm 2,08%. Chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu doanh thu là từ mảng dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác. Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên doanh nghiệp đã phải chịu thiệt hại trong việc kinh doanh các cảng vụ, kho bãi và thương mại các hàng hóa khác. Tuy vậy đây vẫn luôn là danh mục được Công ty kỳ vọng về khả năng phát triển lớn mạnh, bền vững



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

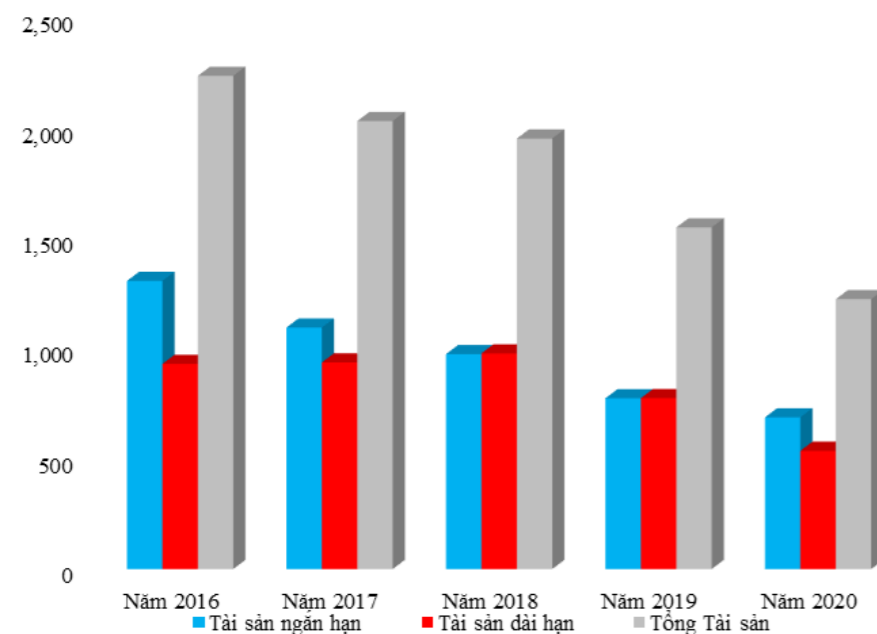
Tình hình Tài sản

Tổng tài sản năm 2020 là 1.222,68 tỷ đồng giảm 20,01% so với năm 2019. Tài sản ngắn hạn là 687,05 tỷ đồng giảm 11,19% so với năm 2019. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn năm 2019 vẫn chiếm tỷ trọng trên 56% trong cơ cấu tổng tài sản doanh nghiệp. Trong tài sản ngắn hạn thì các khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao nhất là 93,95%. Hàng tồn kho năm 2020 của công ty bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa, đã tăng lên 16 tỷ đồng, tương ứng tăng 70% so với năm 2019.

Tỷ trọng các khoản phải thu ngắn hạn năm 2020 không thay đổi so với năm 2019. Điều này thông thường sẽ không tốt vì nguồn vốn của doanh nghiệp đang bị chiếm dụng, đối mặt với nguy cơ mất vốn nếu quản trị không tốt. Tuy vậy, để duy trì mối quan hệ truyền thống, chia sẻ với khó khăn của các khách hàng trong ảnh hưởng của dịch bệnh, thì khoản phải thu cao có thể chấp nhận được. Tuy vậy, doanh nghiệp cần quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, áp dụng chính sách chiết khấu phù hợp đối với từng khách hàng để duy trì quan hệ bạn hàng với các khách hàng hiện có và cũng là để thu hút tìm kiếm các khách hàng, đối tác tiềm năng.

Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/ giảm (%)
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
A. Tài sản ngắn hạn	773.65	49.98%	687.05	56.19%	-11.19%
B. Tài sản dài hạn	774.25	50.02%	535.63	43.81%	-30.82%
Tổng tài sản	1,547.90	100.00%	1,222.68	100.00%	-21.01%

Tình hình tài sản

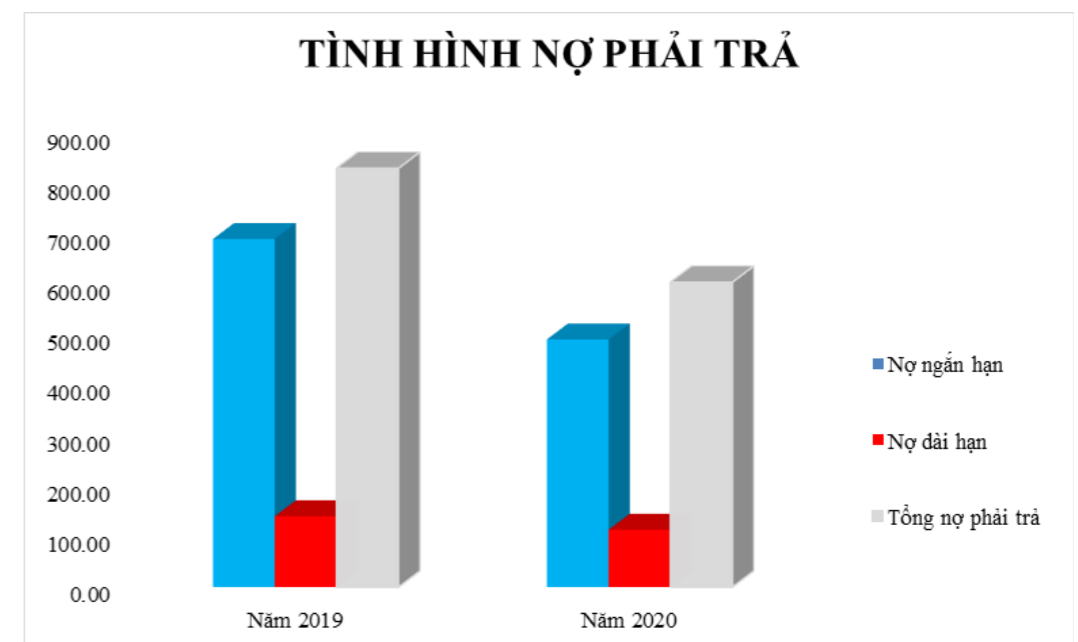


Tình hình Nợ phải trả

Tại thời điểm ngày 31/12/2020, tổng nợ phải của QBS trả là 604,45 tỷ đồng, giảm 27,22% so với cùng kỳ năm 2019. Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2019 của Công ty đạt 490,96 tỷ đồng, chiếm 81,22% trong cơ cấu tổng nợ phải trả và giảm 28,87% so với cùng kỳ năm 2019.

Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/ giảm (%)
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
A. Nợ ngắn hạn	690.24	83.11%	490.96	81.22%	-28.87%
B. Nợ dài hạn	140.28	16.89%	113.50	18.78%	-19.09%
Nợ phải trả	830.52	100.00%	604.45	100.00%	-27.22%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ



Nợ phải trả ngắn hạn

Trong nợ ngắn hạn có ba khoản mục chiếm tỷ trọng cao là phải trả người bán ngắn hạn, Phải trả ngắn hạn khác, vay và thuê tài chính ngắn hạn lần lượt là 35,39%; 14,98%; 47,82%. Phải trả người bán ngắn hạn tăng lên 173,75 tỷ đồng với tốc độ 40,41%. Cụ thể phải trả nhà cung cấp là Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã trả xong. Các nhà cung cấp phải trả trong năm 2020 là Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Trần Anh, Công ty Cổ phần Ecomparadise Việt Nam và một số doanh nghiệp khác. Các khoản phải trả ngắn hạn khác tăng là do phải trả lãi vay ngân hàng NN&PTNT Việt Nam và ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Công ty đã giảm sử dụng các nguồn tín dụng ngắn hạn để đảm bảo việc thanh toán đúng hạn với người cho vay và đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp.

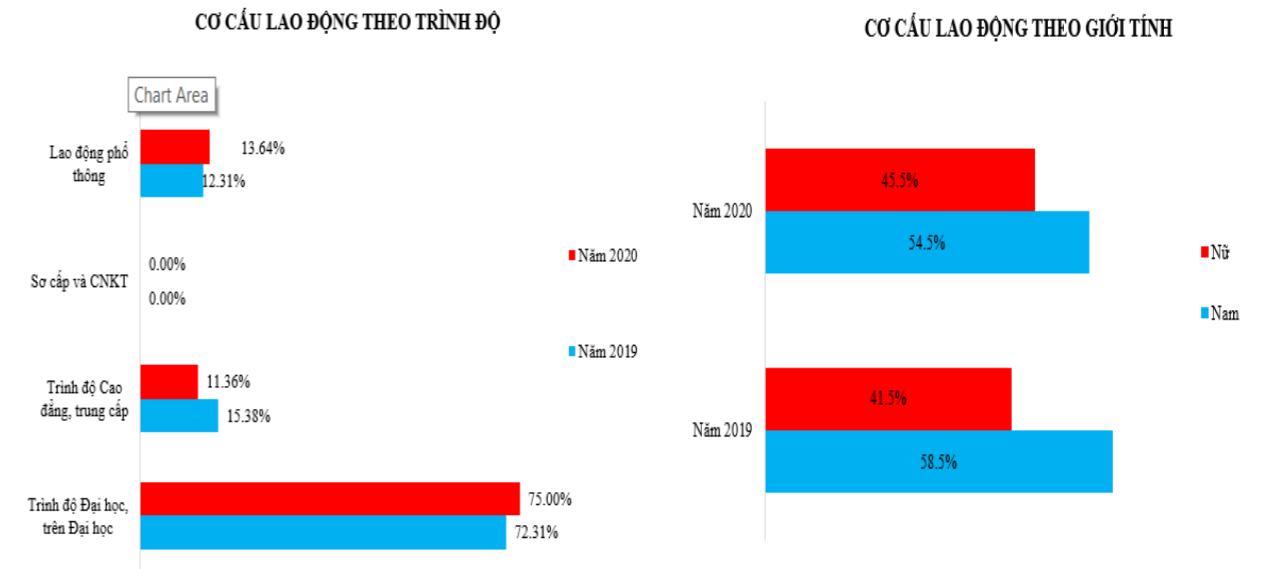
Nợ phải trả dài hạn:

Nợ dài hạn giảm 19,09% xuống còn 113,49 tỷ. Trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm còn 106,277 tỷ đồng nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất. Do trong năm Công ty đã thanh toán các khoản vay đến hạn thanh toán.

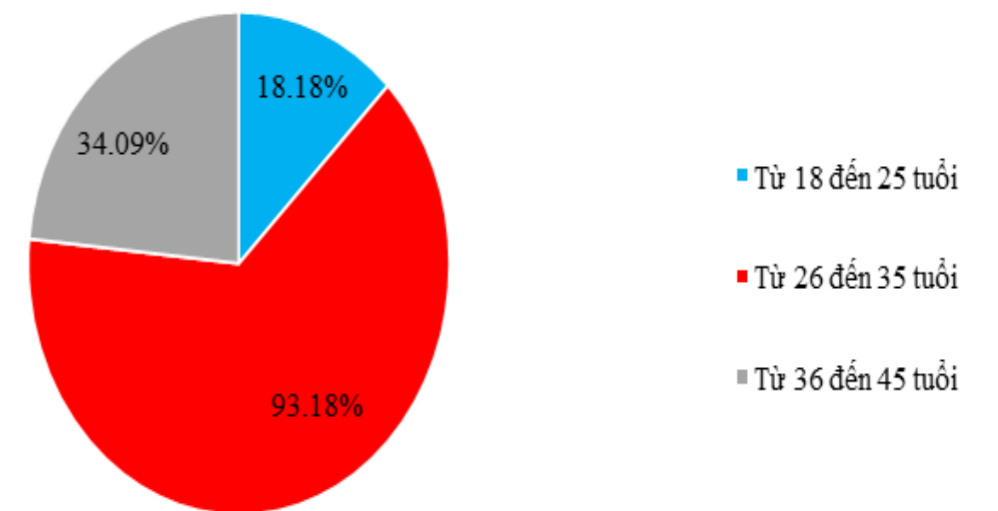
3. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	51	47	33
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	12	10	5
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	3	0	0
4	Lao động phổ thông	Người	4	8	6
II	Theo giới tính				
1	Nam	Người	38	38	24
2	Nữ	Người	32	27	20
III	Theo chỉ tiêu khác				
1	Có hợp đồng lao động	Người	70	65	44
2	Lương theo giờ	Người	0	0	0
Tổng cộng		Người	70	65	44

Trong 2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã có những thay đổi trong chính sách nhân sự của mình. Công ty tiếp tục giảm số lượng nhân viên từ 65 xuống còn 44 người. Đây là một hướng đi đúng đắn khi thấy được hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh, hệ thống máy móc hiện đại dần thay thế lao động tay chân của QBS. Bên cạnh đó cũng do tác động của dịch bệnh đã ảnh hưởng 1 phần hoạt động sản xuất kinh doanh và chính sách nhân sự của công ty.



CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI



4. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021
Doanh thu	800 - 1.000 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	12 tỷ đồng

Mảng Phân bón:

Tiếp tục, theo dõi sát sao tình hình thị trường hơn nữa, đảm bảo kế hoạch hàng hóa được liên tục, thông suốt đối với các mặt hàng thương mại nội địa để có hàng liên tục chào bán khách hàng.

Với các mặt hàng thương mại quốc tế, tập trung mở rộng phát triển thêm khách hàng ngoài những khách hàng đã có. Ngoài ra, đa dạng thêm nhà cung cấp trong nước để có nhiều sự lựa chọn hơn.

Nghiên cứu và phát triển mặt hàng thương mại quốc tế để tăng doanh thu, lợi nhuận trong các năm tiếp theo.

Mảng hóa chất:

Tiếp tục tìm kiếm và kết nối lại các khách hàng có nhu cầu hàng lưu huỳnh để trở lại tăng trưởng bán hàng lưu huỳnh trong thị trường nội địa. Hàng axit sulphuric sẽ tăng cường bán hàng và kết nối với các nhà máy lớn, cũng như các khách hàng nhỏ lẻ, dự kiến kế hoạch đề ra nhập khẩu 50.000 tấn trong năm 2021.

Dịch vụ kho bãi, cảng cạn và các dịch vụ khác:

Đối với Cảng cạn: Hội đồng quản trị tiếp tục đề xuất Đại hội cổ đông thông qua phương án thoái vốn tại Công ty CP Cảng Cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ để tái cơ cấu lại tài sản công ty nhằm đảm bảo khả năng thanh toán

Một số vấn đề khác:

- Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền để chống việc rủi ro liên quan đến các vấn đề tài chính, nợ xấu.
- Khuyến khích việc đưa ra các sáng kiến, ý tưởng, dự án nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao được hiệu quả công việc.
- Liên tục cập nhật và xây dựng các chính sách nhằm giữ nhân lực chủ chốt và hấp dẫn thu hút nguồn nhân lực.

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ - xuất nhập khẩu, Công ty hiện không có nhà máy sản xuất, hoạt động chủ yếu tại các khối văn phòng. Vì vậy Công ty không trực tiếp liên quan đến vấn đề xử lý chất thải do quá trình sản xuất tạo ra. Tuy nhiên, ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong Công ty vẫn luôn được đề cao, một trong số đó là ý thức về việc tiết kiệm tài nguyên nước và điện năng. Công ty luôn nhắc nhở kịp thời những cá nhân, tập thể chưa có ý thức trong việc sử dụng tiết kiệm điện và nước.

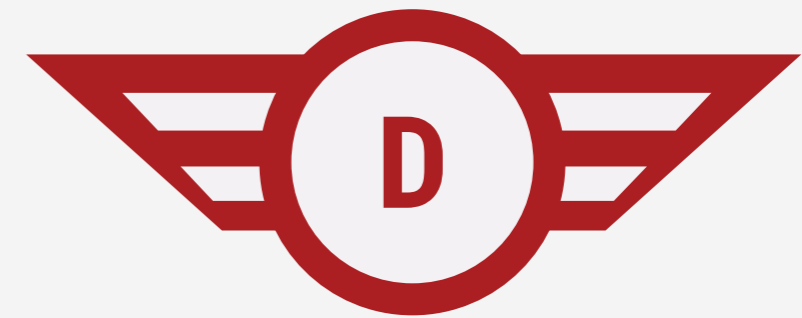
Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban giám đốc đánh giá cao các chính sách của QBS đối với người lao động như chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương – thưởng, chính sách phúc lợi – đãi ngộ, chính sách đào tạo – tuyển dụng. Công ty luôn có sự quan tâm kịp thời đối với người lao động, giữ chân những lao động có kinh nghiệm lâu năm đồng thời đào tạo phát triển những nhân lực trẻ, có năng lực.

Ban giám đốc cũng tham gia vào quá trình xây dựng các chính sách dành cho người lao động để vừa phù hợp với pháp luật hiện hành cũng vừa đảm bảo người lao động được hưởng những quyền lợi tốt nhất.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Một trong những mục tiêu hoạt động của QBS là có thể đóng góp cho địa phương, góp phần tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng. Công ty trao tặng các suất quà cho các hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn nhân dịp Tết Nguyên Đán. Bên cạnh đó, QBS còn tổ chức hoạt động từ thiện tại vùng cao, cụ thể là Sapa. Ban giám đốc luôn đốc thúc, sát sao trong các hoạt động từ thiện tại địa phương cũng như các chương trình từ thiện ở vùng cao. Qua đó đưa hình ảnh Công ty trở nên gần gũi hơn, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên với cộng đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
2. ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC
4. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. Hội đồng quản trị Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt cùng với sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên. Phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như đại dịch Covid – 19, thị trường kinh tế biến động, khí hậu biến đổi, ngành phân bón có sự suy thoái, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện (Tỷ đồng)		KH 2020 (Tỷ đồng)	%	
	2019	2020		So với KH	So với 2019
Doanh thu	1,431.07	1,203.83	1,000.0	120.38%	84.12%
Lợi nhuận trước thuế	-168.73	-98.95	20.0	-494.75%	58.64%
Lợi nhuận sau thuế	-174.27	-97.95	20.0	-489.76%	56.21%

□ Doanh thu của Công ty đã giảm 15,88% so với cùng kỳ năm ngoái xuống còn 1203,83 tỷ đồng, đạt 120,38% so với kế hoạch đề ra. Vì vậy mà lợi nhuận sau thuế tuy chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng cũng đã tăng so với năm 2019.

Năm 2020 do ảnh hưởng bởi tình hình dịch Covid – 19, kết quả kinh doanh sụt giảm đáng kể:

- Mảng phân bón: Do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai lũ lụt triền miên,... đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của công ty. Trong những năm gần đây, ngành phân bón cũng phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm phân bón cùng loại trong nước và Trung Quốc. Hội đồng quản trị và ban giám đốc đã đưa ra nhiều chiến lược, giải pháp giúp công ty vượt qua các khó khăn.

Đối với ngành hàng hóa chất: Mảng hóa chất năm 2020 hoạt động vô cùng âm ảm. Hàng lưu huỳnh vẫn chưa trở lại bán được do nguồn hàng cung cấp nước ngoài chưa cạnh tranh cũng như việc bán hàng của các nhà máy sản xuất phân bón lớn trong nước cũng trì trệ, nhiều nhà máy hoạt động chỉ 30% công suất. Cũng như ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, các nhà máy nhỏ lẻ sản xuất mía đường, giấy cũng không hoạt động. Hàng axit sulphuric bán được 03 lô- tương ứng với 20.000 tấn, tăng 5000 tấn so với năm 2019.

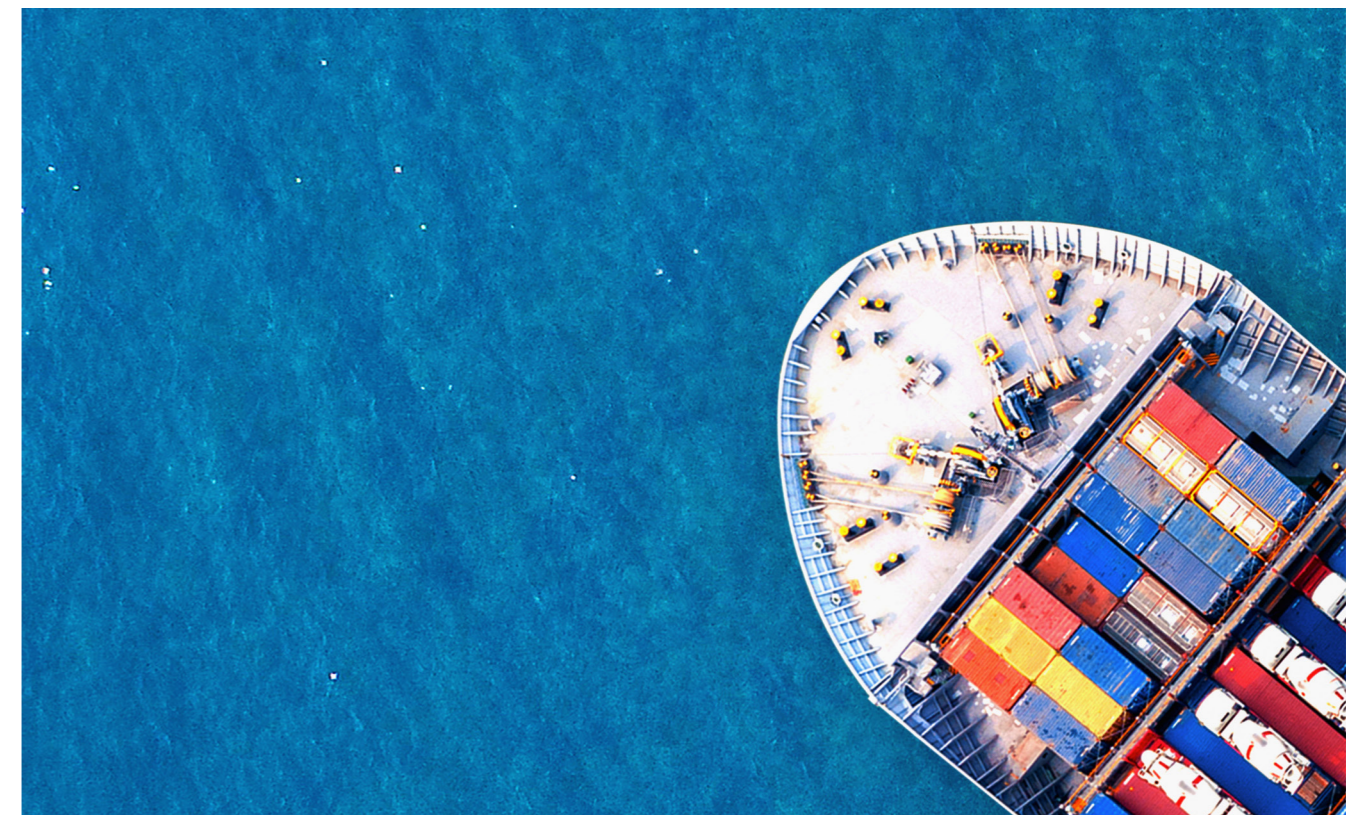
- Cảng ICD Quảng Bình Đình Vũ, kho bãi và các dịch vụ khác: Năm 2020 là một năm nhiều khó khăn với ngành logistics Việt Nam do ảnh hưởng chung của dịch bệnh COVID-19 trên toàn cầu, khiến toàn bộ hoạt động thương mại, vận tải, kho bãi đều bị ảnh hưởng. Hoạt động tạm nhập tái xuất, dịch vụ kho bãi những năm gần đây gặp rất nhiều khó khăn và giám sát đáng kể. Kể từ khi diễn biến dịch bệnh Covid 19, cộng thêm các chính sách của Chính phủ cũng như Trung Quốc dẫn đến hoạt động liên quan đến dịch vụ cảng, kho bãi của Công ty, tạm nhập tái xuất của Công ty ảnh hưởng trầm trọng, doanh thu bị sụt giảm

2. ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Trong năm 2020, công tác ATLD – VSCN – PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Công tác PCCN được thường xuyên kiểm tra, đảm bảo quy trình, quy định. Công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng dịch Covid – 19.

- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định đối với người lao động.

- Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình vẫn không quên trách nhiệm với môi trường, xã hội. Trước hết là trách nhiệm với môi trường, dù không phải là Công ty thuộc lĩnh vực sản xuất, QBS vẫn luôn tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường tại khu vực hoạt động kinh doanh của mình. Tiếp theo là trách nhiệm với xã hội, Công ty vẫn luôn trích lập các quỹ phát triển cộng đồng để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Hải phòng và các khu vực miền núi.



3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp về việc triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của công ty, các buổi họp liên quan đến đầu tư tài chính, bổ nhiệm nhân sự.

Trong thời gian vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 buổi họp Đại hội cổ đông để thông qua các kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và 11 buổi họp Hội đồng quản trị.

Kết quả hoạt động của Ban Giám đốc năm 2020

Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết, kinh nghiệm trên thị trường phân bón, cảng biển cũng như kinh nghiệm quản lý điều hành hiệu quả trong công việc và trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình thị trường phân bón, hóa chất gặp nhiều khó khăn, tình hình thời tiết diễn biến bất thường, Ban Giám đốc phối hợp cùng Hội đồng quản trị đã có các chiến lược, biện pháp chủ động để thích nghi với tình hình thực tế.

Kết luận

Như vậy Ban Giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tuân thủ đầy đủ và đúng các quy trình, quy định đề ra theo pháp luật, Điều lệ công ty, định hướng phát triển của Công ty. Đảm bảo được lợi ích của cả cổ đông và của cả Công ty và các cán bộ công nhân viên.

4. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng trung và dài hạn

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa sâu, quản lý chuyên nghiệp, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.
- Kiểm soát chặt chẽ trong quản lý chất lượng, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết được các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước biến động kinh tế toàn cầu.
- Đưa ra phương án tối ưu đối trong vấn đề tài chính của đơn vị thành viên, Công ty con để xử lý các tồn đọng, khó khăn cũng như hạn chế thấp nhất những rủi ro tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Giám Đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2021.
- Tiếp tục cùng Ban giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng mạng lưới khách hàng, kinh doanh bền vững.
- Đối với vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự của Công ty.

Chỉ tiêu kế hoạch năm sau

- Doanh thu thuần: 800 - 1000 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 12 tỷ đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: Tùy theo tình hình thực tế

Phương hướng thực hiện

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa sâu, quản lý chuyên nghiệp, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.
- Kiểm soát chặt chẽ trong quản lý chất lượng, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết được các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước biến động kinh tế toàn cầu.
- Đưa ra phương án tối ưu đối trong vấn đề tài chính của đơn vị thành viên, Công ty con để xử lý các tồn đọng, khó khăn cũng như hạn chế thấp nhất những rủi ro tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Giám Đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2021.
- Tiếp tục cùng Ban giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng mạng lưới khách hàng, kinh doanh bền vững.
- Đối với vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự của Công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. BAN KIỂM SOÁT
3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO
4. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám Đốc.

Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề tài chính, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất cho ông Bùi Tổ Minh.

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 buổi Đại hội cổ đông để thông qua kết quả kinh doanh năm 2019; phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2020 và 11 buổi họp Hội đồng quản trị.

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch	05/03/2014	11	100%
2	Bà Nguyễn Thị Đông	Thành viên	20/04/2020(Được bầu làm Thành viên HĐQT từ 20/04/2020)	08	72,73%
3	Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	20/04/2020(Được bầu làm Thành viên HĐQT từ 20/04/2020)	08	72,73%
4	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên	08/04/2020(Thôi làm thành viên HĐQT từ 08/04/2020)	03	27,27%
5	Ông Nguyễn Hoàng Lâm	Thành viên	06/04/2020(Thôi làm thành viên HĐQT từ 06/04/2020)	03	27,27%

Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-03/2020/NQ-HĐQT	10/03/2020	Thông qua ngày đăng ký thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
2	01-04/2020/NQ-HĐQT	06/04/2020	thông qua đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị ông Nguyễn Hoàng Lâm
3	02-04/2020/NQ-HĐQT	08/04/2020	thông qua đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị ông Nguyễn Mạnh Tuấn
4	03-04/2020/NQ-HĐQT	28/04/2020	Về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc
5	01-06/2020/NQ-HĐQT	29/06/2020	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
6	02-06/2020/NQ-HĐQT	30/06/2020	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020
7	01-07/2020/NQ-HĐQT	03/07/2020	Thông qua việc chuyển nhượng lô đất tại thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội
8	01-10/2020/NQ-HĐQT	29/10/2020	Thông qua việc góp vốn bằng tài sản vào công ty Cổ phần XNK Hà Nội
9	01-11/2020/NQ-HĐQT	11/11/2020	Thông qua việc điều chỉnh giá trị tài sản góp vốn vào Công ty Cổ phần XNK Hà Nội
10	01-12/2020/NQ-HĐQT	28/12/2020	Thông qua việc mua cổ phần

Đánh giá của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT.

Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

2. BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	05/03/2014	05	100%
2	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	05/03/2014	05	100%
3	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	24/03/2017	05	100%

Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

Đầu năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành họp để phân công nhiệm vụ của từng thành viên và thống nhất kế hoạch kiểm soát hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2020. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định, chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển.

Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc và Bộ máy quản lý

Ban Tổng giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đồng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

Đối với cổ đông

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tham dự 11 cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin theo yêu cầu.

3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

Thù lao của HĐQT, BKS và BGD

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/1 người/1 tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	9,000,000
2	Thành viên HĐQT	7,200,000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	8,000,000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	6,000,000

4. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật

Tham gia các hội nghị, hội thảo do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh tổ chức để cập nhật các quy định, nghị định mới





BÁO CÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. MỤC TIÊU CHUNG
2. MỤC TIÊU SẢN PHẨM
3. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
4. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG
5. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
6. HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC

1. MỤC TIÊU CHUNG

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thương mại phân bón, hóa chất, QBS nhận thức rõ các trách nhiệm của mình trong việc thực hiện sản xuất kinh doanh đi đôi với bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng. Quảng Bình luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cam kết tạo nên sản phẩm chất lượng cao - thân thiện môi trường nhằm góp phần cho sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp Việt Nam. Công ty đã đề ra các mục tiêu như sau:

- Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong quá trình sản xuất phân bón nhằm tạo ra các sản phẩm phân bón chất lượng nhất tới tay người nông dân.
- Nghiêm túc thực hiện các quy định Pháp luật về môi trường trong việc xử lý các chất thải trong quá trình sản xuất.
- Hỗ trợ bà con nông dân xung quanh nhà máy các sản phẩm phân bón phù hợp với cây trồng, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trong khu vực.
- Cùng các chuyên gia nghiên cứu, nâng cao hiệu quả dây chuyền máy móc sản xuất, giảm thiểu tối đa sức lao động, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao công suất nhà máy, chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng nhà ở cho CBCNV ở xa, xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, đảm bảo tận dụng tối đa nguồn ánh sáng và gió tự nhiên nhằm giảm thiểu tiêu hao năng lượng chiếu sáng, điều hòa; đảm bảo an toàn vệ sinh trong lao động và sinh hoạt.



2. MỤC TIÊU SẢN PHẨM

Cải thiện chất lượng dịch vụ cảng biển:

ICD ĐÌNH VŨ – QUẢNG BÌNH CHÍNH THỨC NẪM TRONG QUY HOẠCH CHI TIẾT PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG CẠM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030.

Theo quyết định số 2223/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển hệ thống Cảng cạn Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” nhận định chức năng của cảng cạn (ICD):

- Nhận và gửi hàng hóa được vận chuyển bằng container;
- Đóng hàng vào và dỡ hàng ra khỏi container;
- Vận chuyển hàng container từ cảng cạn đến cảng biển và ngược lại;
- Kiểm tra và hoàn tất thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu;
- Gom và chia hàng lẻ đối với hàng có nhiều chủ trong cùng container;
- Kho, bãi tạm chứa hàng xuất, nhập khẩu và container rỗng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng container.

Hiện nay các ICD tại Việt Nam không chỉ là điểm thông quan nội địa mà còn cung cấp các dịch vụ logistics quan trọng cho các luồng hàng vận chuyển dùng container.

Phát triển các ICD là xu hướng tất yếu trong bối cảnh cần giảm ách tắc cảng biển để tăng khả năng thông quan, cải thiện các dịch vụ đóng gói, lưu kho bãi, làm thủ tục hải quan... Đối với những khu vực xa cảng biển, chi phí vận chuyển thẳng ra cảng tốn kém hơn chi phí trung chuyển tại cảng cạn.

Đây cũng là thành phần không thể thiếu trong chuỗi vận tải đa phương thức. Với số lượng các cảng biển lớn, vận chuyển hàng hóa đường biển chiếm tới 80% sản lượng trong XNK hàng hóa, nên các ICD cũng rất phát triển.

Cho đến nay, các ICD được đánh giá là các cơ sở cung ứng dịch vụ logistics tập trung nhất ở Việt Nam. Hiệu quả của các ICD là không thể phủ nhận, nhất là đối với các khu vực xa cảng biển, chi phí vận chuyển thẳng ra cảng tốn kém hơn chi phí trung chuyển qua ICD. Các ICD không chỉ đảm đương chức năng làm vệ tinh cho cảng biển mà đã và đang gánh vác một phần không nhỏ khối lượng nhu cầu dịch vụ logistics trong các chuỗi cung ứng hàng hóa trong và ngoài nước.

Nằm trong quy hoạch cụm cảng Đình Vũ, cảng cạn Đình Vũ – Quảng Bình (Quảng Bình – Đình Vũ) của Công ty CP XNK Quảng Bình cùng với Cảng cạn Tân Cảng Hải Phòng là hai cảng cạn lớn và duy nhất của thành phố Hải Phòng.

Cảng ICD Đình Vũ – Quảng Bình với vị trí đặc địa của khu công nghiệp hiện đại nhất Hải Phòng - Khu công nghiệp Đình Vũ - Cát Hải, chỉ cách các cảng container lớn của Hải Phòng từ 1-2Km (Tân Vũ, Nam Hải Đình Vũ, Đình Vũ, VIP Green Port, Tân Cảng 189, PTSC); cách cảng nước sâu Lạch Huyện chưa tới 10 Km thông qua cầu vượt biển Tân Vũ; cách cầu Bạch Đằng, điểm đầu của cao tốc Hải Phòng - Hạ Long và cao tốc Hải Phòng - Hà Nội chỉ 3 Km;

Cách sân bay Quốc tế Cát Bi 5 Km; nằm trên tuyến đường sắt liên vận Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh (Trung Quốc). Bao quanh ICD Quảng Bình - Đình Vũ là 3 tuyến đường bộ với chiều rộng 68 m (đường KCN Đình Vũ, đường KCN Minh Phương, đường nối cầu Tân Vũ và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Hải Phòng - Hạ Long), là cảng cạn đáp ứng cao tiêu chí kết nối các phương thức vận tải.



3. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu:

QBS hoạt động trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu nên các nguồn nguyên vật liệu Công ty sử dụng chủ yếu là các nguyên vật liệu thô và lượng sử dụng là không đáng kể.

Tiêu thụ năng lượng trực tiếp và gián tiếp:

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong đó chủ yếu là hoạt động văn phòng của cán bộ công nhân viên, Công ty tiêu thụ nguồn năng lượng đến từ điện. Vì vậy QBS đang xem xét định hướng trong các năm tới sẽ thay thế các thiết bị hiện tại bằng các thiết bị tiết kiệm điện năng đồng thời vẫn đảm bảo được hiệu suất hoạt động

Tiêu thụ nước:

Công ty luôn chú trọng trong việc có thể góp phần tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên thông qua sử dụng tiết kiệm điện, nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường không chỉ trong khu vực làm việc của cán bộ công nhân viên mà còn cả các khu vực khuôn viên xung quanh Công ty.

Chính sách phát triển nhân lực:

Nhân lực là nguồn vốn quý giá và then chốt.

Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được quá trình phát triển kinh doanh của công ty và tham gia xây dựng đất nước.

Quảng Bình thực hiện chính sách sử dụng nguồn nhân lực lâu dài bằng các chương trình huấn luyện đào tạo và phân công công việc hợp lý, nhằm tạo môi trường tốt nhất để nguồn nhân lực phát triển đồng hành cùng quá trình phát triển của công ty

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, đồng thời tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực từ bên ngoài và các chuyên gia nước ngoài có khả năng huấn luyện, đào tạo.

Nguồn nhân lực hòa nhập văn hóa công ty và đảm bảo tính toàn vẹn giá trị cốt lõi mà công ty đã hình thành trong quá trình phát triển.

Chính sách lương - thưởng:

Chính sách lương: người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với từng vị trí/chức danh được phân công. Đảm bảo thu nhập của CBCNV cạnh tranh và tương xứng với các đơn vị cùng ngành nghề, cùng khu vực trong từng thời điểm. Lương thu nhập bao gồm lương cơ bản và các loại phụ cấp lương tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động.

Chính sách thưởng: Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại KPI (hiệu quả công việc) của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến được áp dụng trong công việc, mang lại hiệu quả cho Công ty.

4. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách phúc lợi - đãi ngộ:

Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của Pháp luật, Công ty còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như:

- Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hậu sản, hiếu hi, ...
- Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của Người lao động và tạo điều kiện cho tham gia thực tập thực tế tại các đơn vị trong Công ty;
- Công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với người lao động.
- Hỗ trợ thêm các trường hợp hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.
- Tổ chức tham quan nghỉ mát và các hoạt động văn thể mỹ (8-3 , 2-9 , 20-10)

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần (quà tặng cưới hỏi, trợ cấp khó khăn, ốm đau, hiếu hỷ, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi...).

Chính sách đào tạo - tuyển dụng:

Công tác đào tạo: Là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong xây dựng và phát triển nhân lực. Áp dụng chương trình đào tạo đa dạng: hội nhập, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, công nghệ mới..., nội bộ hoặc bên ngoài. Chú trọng huấn luyện đào tạo qua công việc: Cấp trên đào tạo cấp dưới, chuyên viên cấp cao/thợ bậc cao đào tạo cấp thấp hơn. Luân chuyển nguồn nhân lực để đào tạo qua công việc thực tế. Bao gồm đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ... Thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề có thực hành tại các phòng ban, đơn vị sản xuất, hỗ trợ một phần học phí cho người lao động tự học.

Công tác tuyển dụng thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. Các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

5. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Hoạt động tại địa phương

Nhân dịp Tết đến, xuân về, Công ty CP XNK Quảng Bình trao tặng gần 100 suất quà (bao gồm tiền và hiện vật) cho các gia đình nghèo tại các xã Đông Sơn, Hòa Bình, Tân Dương (huyện Thủy Nguyên), phường Hạ Lý, Trại Chuối (quận Hồng Bàng). Công ty CP XNK Quảng Bình định kỳ tổ chức các buổi hoạt động nhỏ mang quà đến cho các cháu thiệt thòi tại Trung tâm Lao động Thanh Xuân (Hải An, Hải Phòng)
Tổ chức thiện nguyện tại bản Sâu Chua (Sapa, Lào Cai)
Cứu trợ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng do lũ lụt.

6. HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

QBS vẫn đang thực hiện đầy đủ hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-40



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2020
Ông Nguyễn Hoàng Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2020
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2020
Bà Nguyễn Thị Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2020

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/04/2020
Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/04/2020
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 348/2021/BCKT.TC-NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

NGUYỄN BẢO TRUNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

MAI QUANG HIỆP
KIỂM TOÁN VIÊN
Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô I, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		687.051.801.844	773.651.060.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.224.313.832	22.002.756.461
1. Tiền	111		6.492.313.832	22.002.756.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.732.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.300.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.300.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		645.475.219.994	727.703.224.974
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	168.769.682.234	465.613.685.620
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	482.556.633.184	262.818.404.259
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	7.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.670.008.030	4.635.042.532
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(7.521.103.454)	(12.363.907.437)
IV. Hàng tồn kho	140	11	16.729.055.775	9.812.964.256
1. Hàng tồn kho	141		16.729.055.775	9.812.964.256
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.323.212.243	4.132.115.114
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	123.543.221	409.128.431
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.759.888.384	3.722.246.983
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	439.780.638	739.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		535.631.242.305	774.247.327.401
II. Tài sản cố định	220		223.644.327.469	233.670.530.875
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	141.242.677.469	151.268.880.875
- Nguyên giá	222		182.710.053.986	181.230.007.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.467.376.517)	(29.961.126.292)
2. Tài sản cố định vô hình	227		82.401.650.000	82.401.650.000
- Nguyên giá	228		82.401.650.000	82.401.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.332.157.637	1.203.262.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.332.157.637	1.203.262.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	31.455.256.918	244.114.121.482
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	107.806.228.732
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.160.000.000	233.503.969.597
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.704.743.082)	(97.196.076.847)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		279.199.500.281	295.259.412.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	279.199.500.281	287.805.875.611
2. Lợi thế thương mại	269		-	7.453.537.251
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.222.683.044.149	1.547.898.388.206

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		604.453.905.624	830.520.339.708
I. Nợ ngắn hạn	310		490.955.774.365	690.242.457.369
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	173.749.348.599	123.745.717.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		988.344.900	282.732.269.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	35.139.259	4.544.550.415
4. Phải trả người lao động	314		93.138.574	126.637.305
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	73.540.578.924	34.794.058.602
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	234.772.999.972	236.522.999.977
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
II. Nợ dài hạn	330		113.498.131.259	140.277.882.339
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	106.277.166.624	132.060.166.591
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.220.964.635	8.217.715.748
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		618.229.138.525	717.378.048.498
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	618.229.138.525	717.378.048.498
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(93.012.034.198)	4.582.859.832
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		4.582.859.832	177.694.379.607
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(97.594.894.030)	(173.111.519.775)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.498.543.426	7.052.559.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.222.683.044.149	1.547.898.388.206

Trần Xuân Đạt
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.203.833.944.092	1.431.065.001.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.203.833.944.092	1.431.065.001.206
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.223.390.453.126	1.413.785.252.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(19.556.509.034)	17.279.748.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.571.847.343	9.123.259.402
7. Chi phí tài chính	22	24	79.279.979.910	166.269.526.966
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.838.111.582	45.201.379.076
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		740.101.971	432.604.186
9. Chi phí bán hàng	25		106.942.392	14.238.969.662
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.631.276.884	12.393.011.084
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(101.262.758.906)	(166.065.895.610)
12. Thu nhập khác	31	26	3.481.058.089	4.319.911.462
13. Chi phí khác	32	27	1.167.364.407	6.985.922.001
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.313.693.682	(2.666.010.539)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(98.949.065.224)	(168.731.906.149)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	1.475.987.697
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	(996.751.113)	4.065.507.586
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(97.952.314.111)	(174.273.401.432)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(97.288.091.678)	(173.111.519.775)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(664.222.433)	(1.161.881.657)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(1.413)	(2.514)

Trần Xuân Đạt
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(98.949.065.224)	(168.731.906.149)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11.758.548.420	14.619.607.439
- Các khoản dự phòng	03		(79.334.137.748)	81.242.389.096
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(411.307.760)	(125.818.392)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		109.538.088.864	15.752.891.987
- Chi phí lãi vay	06		41.838.111.582	45.201.379.076
- Các khoản điều chỉnh khác	07		402.600.385	4.265.066.253
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(15.157.161.481)	(7.776.390.690)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		80.070.816.089	(16.842.698.493)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.916.091.519)	369.446.593
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(24.540.597.815)	111.139.721.090
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.819.998.037	10.087.930.105
- Tiền lãi vay đã trả	14		(723.939.097)	(14.753.468.372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.365.027.722)	(4.458.924.481)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(137.805.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.187.996.492	77.627.810.752
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.410.333.637)	(21.636.831.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(300.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(54.160.000.000)	(9.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.510.447.991	177.800.005.248
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(72.780.908)	973.147.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.432.666.554)	141.609.048.070
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	6.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	88.042.927.784
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(27.532.999.972)	(315.613.662.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.532.999.972)	(221.570.735.084)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)


MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(10.777.670.034)	(2.333.876.262)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.002.756.461	24.337.271.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(772.595)	(639.168)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	11.224.313.832	22.002.756.461


Trần Xuân Đạt
Người lập


Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Sự bùng phát của đại dịch Covid đã mang lại thách thức chưa từng có và ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động xuất nhập khẩu và dịch vụ cảng ICD của Công ty. Bên cạnh đó, Biến đổi khí hậu toàn cầu tiếp tục diễn ra khốc liệt trong năm 2020, khô hạn kéo dài tại nhiều địa phương trên cả nước, thời tiết có nhiều diễn biến cực đoan như giông, lốc xoáy, mưa đá, mưa axit gây thiệt hại nghiêm trọng tại khu vực miền Bắc. Tình hình hạn hán, bão lũ xảy ra tại miền Trung và xâm nhập mặn kéo dài trên diện rộng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã làm giảm diện tích canh tác, ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất cây trồng và trực tiếp làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân từ 18 - 25% so với mọi năm.

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98,63%	98,63%	Dịch vụ cảng và hoạt động hỗ trợ xuất nhập khẩu

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài-ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.687.817.886	4.502.335.764
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.804.495.946	17.500.420.697
Các khoản tương đương tiền	4.732.000.000	-
	11.224.313.832	22.002.756.461

Tại 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.732.000.00 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn		10.300.000.000		10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		10.300.000.000		10.000.000.000
		10.300.000.000		10.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	-	-	105.881.626.363	107.806.228.732
Đầu tư vào đơn vị khác	54.160.000.000	(22.704.743.082)	105.881.626.363	107.806.228.732
Công ty CP DAP - Vinachem	-	-	233.503.969.597	(97.196.076.847)
Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	(255.575.748)	233.503.969.597	(97.196.076.847)
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	34.000.000.000	(19.264.708.887)	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội	15.600.000.000	(3.184.458.447)	-	-
	54.160.000.000	(22.704.743.082)	339.385.595.960	(97.196.076.847)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	15.424.629.897	-	77.829.055.817	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	-	-	47.575.714.588	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	33.583.282.094	-	134.055.015.854	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội	4.525.020.716	-	189.990.588.216	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	20.936.250.000	-	-	-
Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	82.136.400.000	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.164.099.527	-	16.163.311.145	-
	168.769.682.234	-	465.613.685.620	-

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	-	-	90.172.060.000	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu EAG	100.000.000.000	-	153.000.000.000	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	70.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	72.063.362.995	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	112.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	110.000.000.000	-	-	-
Trả trước khác	18.493.270.189	(4.465.825.912)	19.646.344.259	(3.126.078.138)
	482.556.633.184	(4.465.825.912)	262.818.404.259	(3.126.078.138)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.144.277.808	-	291.863.014	-
Phải thu về BHXH	1.206.150	-	29.815.600	-
Phải thu về BHYT	212.850	-	-	-
Phải thu về NHTN	94.600	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	375.000.000	-	3.911.103.000	-
Phải thu khác	149.216.622	-	402.260.918	-
	1.670.008.030	-	4.635.042.532	-

10 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	11.580.396.278	5.968.630.760
Công ty CP DAP2-Vinachem	-	-	-	-
Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	1.339.747.774
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
Đối tượng khác	191.679.004	-	1.007.087.917	244.622.674
	7.521.103.454	-	19.916.908.645	7.553.001.208

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.890.000	-
Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	-	-
Hàng hoá	16.076.968.495	-	9.811.074.256	-
	16.729.055.775	-	9.812.964.256	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2020	130.151.580.278	7.256.351.136	41.616.997.238	2.205.078.515	-	-	-	-	-	-	181.230.007.167	
Mua sắm	2.281.438.182	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.281.438.182	
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(72.912.000)	(681.979.363)	(46.500.000)	-	-	-	-	-	-	-	(801.391.363)	
Tại ngày 31/12/2020	132.360.106.460	6.574.371.773	41.570.497.238	2.205.078.515	-	-	-	-	-	-	182.710.053.986	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2020	18.070.196.552	538.965.210	10.354.876.279	997.088.251	-	-	-	-	-	-	29.961.126.292	
Trích khấu hao	6.950.388.386	55.733.190	4.523.507.604	228.919.240	-	-	-	-	-	-	11.758.548.420	
Giảm khác	(34.182.400)	(171.615.795)	(46.500.000)	-	-	-	-	-	-	-	(252.298.195)	
Tại ngày 31/12/2020	24.986.402.538	423.082.605	14.831.883.883	1.226.007.491	-	-	-	-	-	-	41.467.376.517	
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2020	112.081.383.726	6.717.385.926	31.262.120.959	1.207.990.264	-	-	-	-	-	-	151.268.880.875	
Tại ngày 31/12/2020	107.373.703.922	6.151.289.168	26.738.613.355	979.071.024	-	-	-	-	-	-	141.242.677.469	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn				
Công cụ dụng cụ xuất dùng	70.882.827	-	221.498.501	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	52.660.394	-	187.629.930	-
	123.543.221	-	409.128.431	-
b) Chi phí trả trước dài hạn				
Chi phí thuê đất (*)	277.920.511.854	-	285.348.231.545	-
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	-	-	1.033.325.265	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-	125.835.323	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.278.988.427	-	1.298.483.478	-
	279.199.500.281	-	287.805.875.611	-

(*) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ. Diện tích đất thuê: 184.992 m2 tại các vị trí CN4.4F, CN4.4G và CN4.4H Khu Công nghiệp Đình Vũ. Thời hạn thuê đất: đến hết ngày 23/06/2058. Tiền thuê đất được thanh toán 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê.

14 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
Giá trị lợi thể thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm	-	-	7.453.537.251	-
	-	-	7.453.537.251	-

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	-	-	92.668.333.224	92.668.333.224
Fagro International Trading Fze	-	-	9.635.322.438	9.635.322.438
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	73.861.680.000	73.861.680.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Trần Anh	36.400.000.000	36.400.000.000	-	-
Công ty CP Ecoparadise Việt Nam	25.522.200.000	25.522.200.000	-	-
Các khoản phải trả khác	37.965.468.599	37.965.468.599	21.442.062.029	21.442.062.029
	173.749.348.599	173.749.348.599	123.745.717.691	123.745.717.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	58.720.756	352.344.282	750.105.976	339.040.938	-						
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.265.027.722	-	3.365.027.722	100.000.000	-						
Thuế Thu nhập cá nhân	739.700	161.357	42.645.814	7.667.912	739.700	35.139.259						
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.972.660	1.972.660	-	-						
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-						
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.220.640.580	126.332.723	1.346.973.303	-	-						
	739.700	4.544.550.415	530.295.479	5.478.747.573	439.780.638	35.139.259						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
Kinh phí công đoàn	35.147.824		33.374.824	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-		155.000.000	
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hải Phòng	24.549.863.011		9.207.945.205	
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ đô	19.551.542.818		12.275.047.945	
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	27.891.341.297		9.395.581.491	
Phải trả lãi đặt cọc mua cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-		2.498.630.137	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.512.683.974		1.228.479.000	
	73.540.578.924		34.794.058.602	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		31/12/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn				
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	198.800.000.000	198.800.000.000	-	(25.630.000.000)
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	78.800.000.000	78.800.000.000	-	(25.630.000.000)
- CN Thủ Đức ⁽¹⁾				
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-
- CN Bắc Hải Phòng ⁽²⁾				
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	37.722.999.977	37.722.999.977	25.782.999.972	(1.902.999.977)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	35.820.000.000	35.820.000.000	23.880.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	1.902.999.977	1.902.999.977	1.902.999.972	(1.902.999.977)
236.522.999.977	236.522.999.977	25.782.999.972	(27.532.999.977)	234.772.999.972
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn				
<i>Vay dài hạn</i>	169.783.166.568	169.783.166.568	-	(1.902.999.972)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽³⁾	161.360.000.000	161.360.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	8.423.166.568	8.423.166.568	-	(1.902.999.972)
169.783.166.568	169.783.166.568	(1.902.999.972)	(1.902.999.972)	167.880.166.596
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	37.722.999.977	37.722.999.977	25.782.999.972	(1.902.999.977)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	132.060.166.591	132.060.166.591		106.277.166.624

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay %	Phương thức đảm bảo tiền vay
1.	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức					
-	Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201700011 ngày 06/01/2017	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng có hiệu lực đến hết 31/12/2017	Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2.	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng					
-	Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV201700161/HETD ngày 18/04/2017	120.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký	Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
						173.170.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay, %	31/12/2020 VNĐ	Phương thức đảm bảo tiền vay
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng Hợp đồng tín dụng số 01/2016- HỆTDDA/NHCTT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015	231.495.000.000	Thanh toán chi phí đầu tư của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ	120 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần	161.360.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDTĐ/THU/01 ngày 13/02/2019	2.009.000.000	Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes- Benz S450 và Phí bảo hiểm an tâm tin dụng	60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phi BHATTD	Lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng	1.270.166.674	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDTĐ/THU/02 ngày 09/05/2019	7.499.999.886	Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng	5.249.999.922	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay
						167.880.166.596	
						61.602.999.972	
						106.277.166.624	

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Vay ngân hàng	31/12/2020		01/01/2020	
	Gốc VNĐ	Lãi VNĐ	Gốc VNĐ	Lãi VNĐ
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	334.530.000.000	71.992.747.126	334.530.000.000	30.729.138.907
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	53.170.000.000	19.551.542.818	53.170.000.000	12.275.047.945
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	120.000.000.000	24.549.863.011	120.000.000.000	9.207.945.205
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	161.360.000.000	27.891.341.297	161.360.000.000	9.246.145.757
	334.530.000.000	71.992.747.126	334.530.000.000	30.729.138.907

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2019												
Tại ngày 01/01/2019	693.299.280.000	-	(3.249.100.000)	9.761.921.400	186.277.279.890	2.025.955.801	888.115.337.091					
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	6.000.000.000					6.000.000.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(173.111.519.775)	-	(1.161.881.657)					(174.273.401.432)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.930.527.897	(8.895.791.837)	-	(20.000.000)					(2.985.263.940)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	312.891.554	-	2.273.480.534					2.586.372.088
Thay đổi do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(2.064.995.309)					(2.064.995.309)
Tại ngày 31/12/2019	693.299.280.000	-	(3.249.100.000)	15.692.449.297	4.582.859.832	7.052.559.369	717.378.048.498					717.378.048.498
Năm 2020												
Tại ngày 01/01/2020	693.299.280.000	-	(3.249.100.000)	15.692.449.297	4.582.859.832	7.052.559.369	717.378.048.498					717.378.048.498
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(97.288.091.678)	-	(97.952.314.111)					(97.952.314.111)
Giảm do điều chỉnh các khoản LNST từ Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	(306.802.352)	-	(306.802.352)					(306.802.352)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(889.793.510)					(889.793.510)
Tại ngày 31/12/2020	693.299.280.000	-	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(93.012.034.198)	5.498.543.426	618.229.138.525					618.229.138.525

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	7,21%	50.000.000.000	7,21%	50.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	13,27%	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000
Các cổ đông khác	79,52%	551.293.490.000	79,52%	551.293.490.000
	100%	693.299.280.000	100%	693.299.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu năm	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối năm	693.299.280.000	693.299.280.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	15.692.449.297	15.692.449.297

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	6.545,25	14.616,46

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Thuận Đạt	3.466.214.350	3.466.214.350

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.197.132.216.513	1.418.524.477.555
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.701.727.579	12.540.523.651
	1.203.833.944.092	1.431.065.001.206

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	73.435.322.355
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.188.064.894.694	1.303.431.669.761
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.325.558.432	36.918.260.576
	1.223.390.453.126	1.413.785.252.692

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	779.633.886	827.711.233
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	163.931.884	6.140.709.866
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.216.973.813	2.029.019.911
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	411.307.760	125.818.392
	2.571.847.343	9.123.259.402

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	41.838.111.582	45.201.379.076
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	547.945.205	16.277.124.862
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	110.317.722.750	16.334.535.585
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.067.534.138	2.682.179.311
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(74.491.333.765)	85.774.234.950
Chi phí tài chính khác	-	73.182
	79.279.979.910	166.269.526.966

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	65.859.071	277.107.267
Chi phí nhân công	6.136.980.592	8.188.433.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.213.255.398	1.221.413.616
Thuế, phí, lệ phí	8.972.660	54.052.235
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(4.842.803.983)	(4.531.845.854)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.249.686.476	2.561.226.128
Chi phí khác bằng tiền	1.799.326.670	4.622.624.122
	5.631.276.884	12.393.011.084

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt thu được	3.344.329.162	77.141.064
Thuế được giảm	120.751.087	-
Thu nhập từ nhận tài trợ	-	2.403.176.038
Thu nhập từ xóa nợ	5.175.830	1.654.270.941
Thu nhập khác	10.802.010	185.323.419
	3.481.058.089	4.319.911.462

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	246.067.635
Giá trị còn lại của tài sản giảm do thanh lý khoản đầu tư	510.363.568	-
Phạt vi phạm hợp đồng	231.000.000	31.402.507
Các khoản thuế bị truy thu và phạt vi phạm hành chính	113.302.801	6.310.042.054
Chi phí tài trợ các chính sách phúc lợi xã hội	118.000.000	180.000.000
Chi phí khác	194.698.038	218.409.805
	1.167.364.407	6.985.922.001

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.475.987.697
	-	1.475.987.697

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.139.494.421	4.069.550.070
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(6.136.245.534)	(4.042.484)
	(996.751.113)	4.065.507.586

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(97.952.314.111)	(174.273.401.432)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(97.952.314.111)	(174.273.401.432)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.413)	(2.514)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.830.924	63.638.010.837
Chi phí nhân công	7.310.560.346	10.208.563.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.346.779.350	14.619.607.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.471.683.145	19.506.334.540
Chi phí khác bằng tiền	1.939.600.903	8.114.661.130
	34.095.454.668	116.087.177.441

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.224.313.832	-	22.002.756.461	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	170.439.690.264	(3.055.277.542)	470.248.728.152	(12.363.907.437)
Các khoản cho vay	-	-	7.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	10.300.000.000	-	10.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	54.160.000.000	(22.704.743.082)	233.503.969.597	(97.196.076.847)
	246.124.004.096	(25.760.020.624)	742.755.454.210	(109.559.984.284)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	341.050.166.596	368.583.166.568
Phải trả người bán, phải trả khác	247.289.927.523	158.539.776.293
	588.340.094.119	527.122.942.861

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.224.313.832	-	-	11.224.313.832
Phải thu khách hàng, phải thu khác	167.384.412.722	-	-	167.384.412.722
Đầu tư ngắn hạn	10.300.000.000	-	-	10.300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	31.455.256.918	-	31.455.256.918
	188.908.726.554	31.455.256.918	-	220.363.983.472
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.002.756.461	-	-	22.002.756.461
Phải thu khách hàng, phải thu khác	457.884.820.715	-	-	457.884.820.715
Các khoản cho vay	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	136.307.892.750	-	136.307.892.750
	496.887.577.176	136.307.892.750	-	633.195.469.926

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	234.772.999.972	106.277.166.624	-	341.050.166.596
Phải trả người bán, phải trả khác	247.289.927.523	-	-	247.289.927.523
	482.062.927.495	106.277.166.624	-	588.340.094.119
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	236.522.999.977	132.060.166.591	-	368.583.166.568
Phải trả người bán, phải trả khác	158.539.776.293	-	-	158.539.776.293
	395.062.776.270	132.060.166.591	-	527.122.942.861

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty CP DAP - VINACHEM (*)	-	17.534.549.850

(*) Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty CP DAP-VINACHEM đã từ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 03 năm 2020.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	628.042.262	750.958.378
Nguyễn Thị Thanh Hương	304.725.536	284.147.173
Nguyễn Mạnh Tuấn	86.400.000	48.000.000
Đình Thị Phương	21.600.000	48.000.000
Nguyễn Hoàng Lâm	86.400.000	48.000.000
Phạm Sỹ Thạc	-	36.000.000
Hoàng Văn Hưng	61.899.892	134.579.455
Nguyễn Thanh Bình	67.016.834	152.231.750

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.


Trần Xuân Đạt
Người lập


Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021



NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY

Chủ tịch HĐQT


NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG